

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

| STT | Thời gian | Nội dung |
|-----|-------------|---|
| 1 | 7h15-8h | Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông |
| 2 | 8h-8h10 | Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội |
| 3 | 8h10-8h40 | <ul style="list-style-type: none">- Khai mạc, chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu- Giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội- Giới thiệu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu .- Thông qua chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội |
| 4 | 8h40-10h15 | <p>Các nội dung trình bày trước Đại hội để xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Tờ trình Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (<i>Biểu quyết thông qua nội dung 1</i>)2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021;3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021;4. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;5. Tờ trình báo cáo tình hình chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;6. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT;7. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;8. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;9. Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;10. Tờ trình kiện toàn nhân sự TV HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; <ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận nội dung các nội dung trên- Giải đáp câu hỏi của cổ đông- Lãnh đạo cấp trên phát biểu |
| 5 | 10h15-10h30 | Biểu quyết thông qua từng nội dung (Từ số 2 đến số 10) |
| 6 | 10h30-10h45 | Đại hội nghỉ giải lao |
| 7 | 10h45-11h00 | Công bố kết quả biểu quyết |
| 8 | 11h00-11h20 | Thông qua Nghị quyết Đại hội |
| 9 | 11h20-11h30 | Bế mạc Đại hội |

DỰ THẢO

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông (cổ đông/đại diện cổ đông) tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội:

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Các cổ đông của Công ty DOBC theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số: 910/2021-PXT/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã chốt danh sách ngày 02/06/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông:

- Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo CMND/Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (Đối với đại diện cổ đông) để đăng ký với Ban thẩm tra tư cách cổ đông và được nhận một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số biểu quyết, họ và tên cổ đông (Hoặc đại diện được ủy quyền), số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu/đại diện sở hữu và hoặc được ủy quyền) của cổ đông và đóng dấu treo của Công ty DOBC.

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty DOBC và theo quy định của Pháp luật.

- Để đảm bảo tỷ lệ phiếu biểu quyết, trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài hoặc về sớm không trực tiếp tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền thì cổ đông phải thông báo với Ban tổ chức Đại hội để làm thủ tục ủy quyền. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ

đồng rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

- Cổ đông có quyền phát biểu ý kiến trực tiếp hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

- Tuân thủ sự điều hành của Chủ tịch đoàn; Hạn chế nói chuyện riêng và sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tịch đoàn không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty đề cử.

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm tiếp nhận giấy tờ của các cổ đông tới tham dự Đại hội, đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự đại hội đã chốt tại thời điểm ngày 02/06/2021; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết cho các cổ đông đến dự.

- Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa Đại hội được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

+ Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty theo nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

+ Hướng dẫn các đại biểu và cổ đông thảo luận.

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban thư ký Đại hội:

- Ban thư ký của Đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch.

- Nhiệm vụ của Ban thư ký:

+ Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc các vấn đề cần lưu ý vào Biên bản họp Đại hội và các nội dung được biểu quyết thông qua vào Nghị quyết Đại hội.

- + Tiếp nhận Phiếu góp ý/Đặt câu hỏi của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch giải đáp.
- + Trình bày dự thảo Biên bản Đại hội/ Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - + Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội.
 - + Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung.
 - + Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - + Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**CHƯƠNG III.
TIẾN HÀNH TẠI ĐẠI HỘI**

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội:

- Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội:

- Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
- Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.
- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để tán thành, hoặc không tán thành, hoặc ý kiến khác một vấn đề được trình bày tại Đại hội, bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao, mặt trước hướng về Đoàn chủ tịch.
- Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc ý kiến khác) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo hình thức tính bằng số cổ phần biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết được ghi thành biên bản kiểm phiếu và được công bố tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi **có từ 65% trở lên** tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi **có từ 51% trở lên** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thảo luận tại Đại hội:

12.1 Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu.

- Phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi và phù hợp với chương trình.

- Cổ đông có thể viết vào Phiếu góp ý/Đặt câu hỏi và chuyển cho Thư ký Đại hội để chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

12.2 Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở các câu hỏi của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông.

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau Đại hội bằng văn bản.

CHƯƠNG IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông:

Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được thư ký Đại hội ghi vào Biên bản. Tất cả các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua phải được ghi vào Nghị quyết Đại hội. Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế:

Quy chế này gồm có 14 Điều được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

Số: /TTr - HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 /06/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 /11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí như sau:

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu ban hành theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC, có 21 Mục và 59 Điều, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực ngay khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

(Đính kèm Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty)

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/TGD-PVC (để b/c);
- HĐQT; BKS; BGĐ (để biết);
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

**TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DK VIỆT NAM
CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**
(Đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày...../... /2021)

Vũng Tàu ngày ... tháng năm 2021

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 3 |
| I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 3 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ | 3 |
| II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | 4 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty | 4 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty | 4 |
| III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 5 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty | 5 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty | 6 |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 6 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập | 6 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu | 7 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác | 7 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần | 8 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) | 8 |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 8 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát | 8 |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 9 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông | 9 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông | 10 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông | 11 |
| Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông | 12 |
| Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông | 14 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền | 14 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông | 15 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | 17 |
| Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua | 18 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 19 |
| Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 21 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 22 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị | 22 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị | 23 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị | 23 |
| Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị | 24 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 25 |

| | |
|--|----|
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị | 26 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị | 27 |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty | 27 |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý | 28 |
| Điều 34. Người điều hành Công ty..... | 28 |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc | 28 |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát | 29 |
| Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát..... | 29 |
| Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát | 30 |
| Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát..... | 30 |
| Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát..... | 31 |
| Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát..... | 31 |
| Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | 32 |
| Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường | 33 |
| Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ | 33 |
| Điều 45. Công nhân viên và công đoàn..... | 34 |
| Điều 46. Phân phối lợi nhuận | 34 |
| Điều 47. Tài khoản ngân hàng..... | 34 |
| Điều 48. Năm tài chính..... | 35 |
| Điều 49. Chế độ kế toán | 35 |
| Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý | 35 |
| Điều 51. Báo cáo thường niên | 35 |
| Điều 52. Kiểm toán..... | 35 |
| Điều 53. Dấu của doanh nghiệp..... | 36 |
| Điều 54. Giải thể Công ty | 36 |
| Điều 55. Gia hạn hoạt động | 36 |
| Điều 56. Thanh lý | 36 |
| Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 37 |
| Điều 58. Điều lệ Công ty | 37 |
| Điều 59. Ngày hiệu lực..... | 38 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Petroleum Pipeline & Tank Construction Joint Stock Company.
 - Tên Công ty viết tắt : DOBC
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: số 35G, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu
 - Điện thoại: (0254) 3835 888 Fax: (0254) 3835 883
 - Email: info@dobc.vn
 - Website: www.dobc.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 1- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty.
 - 2- Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - Ban hành các Quy định, Quy trình, Hướng dẫn nội bộ của Công ty;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng Quản trị;

- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động mà Người đại diện theo pháp luật ký với Chủ tịch Công ty, ký với Công ty theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công các công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, dẫn xăng, dẫn dầu, dẫn nước; Thi công các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hoá lỏng; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư, xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; Đầu tư, xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thuỷ lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp.

- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Lắp đặt hệ thống phòng chống cháy, chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hoá công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác; Lắp đặt hệ thống điện lạnh, điều hoà trung tâm cho các công trình nhà cao tầng dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hoá công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và trạm đến 35KV và hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.

- Sửa chữa phương tiện vận tải thuỷ.

- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thuỷ điện...).

- Chế tạo các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ.

- Vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất.

- Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa, chống ăn mòn các công trình dầu khí (ngoài biển và đất liền), các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình cảng sông, cảng biển; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển và các công trình công nghiệp khác.

- Kinh doanh đô thị, văn phòng, siêu thị và nhà ở; Kinh doanh cảng sông, cảng biển.

- Đầu tư, xây dựng các khu công nghiệp; Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.

- Đầu tư, khai thác mỏ (cát, đá...).

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu.

- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí.

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán vật tư thiết bị; Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, thương mại.

- Cho thuê thiết bị xe máy.

- Dịch vụ tổng hợp.

- Thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế điện, điều khiển thông tin liên lạc, thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ-điện công trình. Khảo sát, Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển và các công trình công nghiệp khác.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Quyết tâm đổi mới tư duy, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh công tác tái cơ cấu để có thể cạnh tranh được với các đơn vị trong và ngoài ngành dầu khí. Phấn đấu trở thành đơn vị chủ lực của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trong lĩnh vực xây lắp các công trình kho tồn trữ và vận chuyển dầu khí; Nhà máy điện; Nhà máy xử lý khí; Nhà máy hóa chất; Hoá lọc dầu

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng chẵn)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 (hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần;

*** Tỷ lệ tham gia góp vốn của các Cổ đông như sau:**

| Stt | Cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ % | Giá trị cổ phần (VND) |
|------------|----------------------|-------------------|----------------|------------------------------|
| 1 | Tổng Công ty PVC | 10.200.000 | 51% | 102.000.000.000 |
| 2 | Cổ đông khác | 9.800.000 | 49% | 98.000.000.000 |
| | Tổng cộng 1+2 | 20.000.000 | 100% | 200.000.000.000 |

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp: *Không có*.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn **hai tháng** kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07 ngày) kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát;
3. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là **03 ngày** làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Trong một số trường hợp**, Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại **ít hơn số lượng thành viên tối thiểu** theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các

cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong **thời hạn 60 ngày** kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại **điểm b khoản 3** Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại **điểm c và điểm d khoản 3** Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

(Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.)

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ **75%** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ **75%** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc

đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá **10 ngày** trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông **tối thiểu 20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được

biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất **03 ngày** làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ **5% cổ phần** phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá **03 ngày** làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp sau đây:

2.1 Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2.2 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2.3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết **chậm nhất 10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ

trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) sẽ được quy định tại Quy chế bầu cử của Công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là **03 người**.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo **tối thiểu 1/3** tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản** trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được

thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên

tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ **3/4** tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Hội đồng Quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là **01 giờ** trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì **quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.**

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là **03 người** bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là **03 người**. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các **chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.**

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất **02 lần** trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn **35%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ **35%** trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. (Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên).

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính

của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban

thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng **30 ngày** làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng **06 tuần** từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm **21 mục, 59 điều** được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

Số: /BC-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc: Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Thuận lợi:

- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) đã có hơn 33 năm kinh nghiệm về thi công, xây lắp chuyên ngành các công trình dầu, khí và là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam.

- Công ty DOBC luôn nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các cấp lãnh đạo, điều đó đã tạo điều kiện tích cực giúp đỡ Công ty DOBC giảm bớt khó khăn, tạo tiền đề cho DOBC củng cố, phát triển.

- Cùng với sự đồng lòng, quyết tâm của tập thể Ban lãnh đạo, CBCNV Công ty DOBC đã và đang vượt qua những khó khăn, thách thức, để củng cố, ổn định và phát triển hoạt động SXKD của Công ty.

2. Khó khăn:

Năm 2020 là năm đầy khó khăn thách thức với Công ty, 8 tháng đầu năm hoạt động SXKD của Công ty bị cầm chừng trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus corona (Covid 19) có diễn biến phức tạp, các dự án do Công ty đang thi công đều đã dừng và giãn tiến độ. Lo sợ dịch bệnh lây lan mạnh trong cộng đồng, Công ty đã khuyến khích CBCBV hạn chế ra ngoài, chỉ làm việc online tại nhà, do vậy hầu như các hoạt động SXKD của Công ty bị cầm chừng và đình trệ. Công ty đã bị tổn thất lớn lực lượng CBCN kỹ thuật bậc cao.

- Ngoài dịch bệnh Covid, thì nguồn việc trong năm 2020 cũng cực kỳ khó khăn do Công ty phải đấu thầu trong sự cạnh tranh quyết liệt với các đơn vị khác trong ngành và ngoài ngành dầu khí dẫn đến khả năng trúng thầu thấp.

- Năm 2020, kế hoạch triển khai Dự án NMNĐ Thái Bình 2 của Chủ đầu tư và Tổng thầu chậm lại/tạm dừng thi công làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng, doanh thu của Công ty.

- Do công nợ và giá trị dở dang tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 nhiều, lỗ lũy kế từ các năm trước, cơ chế và chính sách thắt chặt hồ sơ nghiệm thu, vướng mắc không đủ điều kiện thanh toán và hạn mức tín dụng Ngân hàng thắt chặt, không có khả năng vay cao dẫn đến tình hình tài chính công ty hạn hẹp, thiếu hụt nguồn vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

1. Các hoạt động của HĐQT:

- Ngay từ đầu năm, xác định rõ những khó khăn thách thức, HĐQT Công ty đã nỗ lực tìm mọi giải pháp, nguồn lực chỉ đạo quyết tâm phấn đấu để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 được bầu lại có 5 thành viên, trong đó có 2 TV độc lập, để đảm bảo tính độc lập của HĐQT, Công ty đã hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành.

- HĐQT đã lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT, ban hành các Quy chế, Quy định để tổ chức thực hiện đúng theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp quy định.

- Hàng kỳ hoặc bất thường khi có nhiệm vụ đột xuất HĐQT đã tổ chức/hoặc phối hợp với Đảng ủy - Ban Giám đốc họp liên tịch để kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết lãnh đạo Quý trước và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho Quý sau chính xác và kịp thời; Phối hợp chỉ đạo thực hiện công tác bổ nhiệm, sắp xếp, luân chuyển cán bộ và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

- Ngoài ra, HĐQT còn tham gia vào các cuộc họp giao ban cùng với Ban giám đốc, các Trưởng phòng, ban chức năng và Đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp. Các quyết định của HĐQT đều dựa trên nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

- Hệ thống các quy chế, quy định đã được rà soát, bổ sung, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Năm 2020 Hội đồng quản trị đã tổ chức/ hoặc phối hợp tổ chức 13 phiên họp, cụ thể như sau:

| STT | Số Biên bản | Ngày họp | Nội dung |
|-----|-------------|-------------|---|
| 1 | 01/BB-HĐQT | 10/01/2020 | Chi hỗ trợ cho CBCNV nhân dịp tết Nguyên đán Canh 2020. |
| 2 | 02/BB-HĐQT | 04/02/2020 | Công tác cán bộ (Ông Nguyễn Tri Hòa- thôi giữ chức Phó giám đốc) |
| 3 | 03/BB-HĐQT | 03/03/20120 | Thanh lý 2 xe ô tô |
| 4 | 04/BB-HĐQT | 09/06/2020 | Về việc công tác bộ, người đại diện theo pháp luật |
| 5 | 05/BB-HĐQT | 09/06/2020 | Về việc công tác cán bộ Ông Hồ Nguyễn Quốc Nam thôi giữ chức Trưởng Phòng TC-HC |
| 6 | 06/BB-HĐQT | 18/06/2020 | Họp HĐQT phiên họp đầu tiên để bầu Chủ tịch HĐQT |
| 7 | 07/BB- HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi Người đại diện Pháp luật theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết số 33/19/HĐHM -9232 ngày 30/5/2019 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 8 | 08/BB- HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi Người đại diện Pháp luật Công ty theo Hợp đồng tín dụng đã ký số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/1/2020 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 9 | 09/BB-HĐQT | 29/06/2020 | Kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; Kiến |

| STT | Số Biên bản | Ngày họp | Nội dung |
|-----|-------------|------------|---|
| | | | toàn Hội đồng xét lương, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng thi đua khen thưởng; Công tác cán bộ |
| 10 | 10/BB-HĐQT | 28/09/2020 | Đánh giá kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm; thành lập Hội đồng kỷ luật |
| 11 | 11/BB-HĐQT | 05/11/2020 | Công tác cán bộ, Người đại diện theo Pháp luật |
| 12 | 12/BB-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/1/2020 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 13 | 13/BB-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng 33/19/HĐHM -9232 ngày 30/5/2019 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |

- Trong một số trường hợp HĐQT đã gửi phiếu lấy ý kiến biểu quyết để giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành 30 Nghị quyết và 32 Quyết định để Ban giám đốc triển khai mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

| TT | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----------------------|------------------------------|------------|--|
| I - NGHỊ QUYẾT | | | |
| 1 | 02/NQ-HĐQT | 10/1/2020 | Giới thiệu bổ nhiệm Thành viên HĐQT DOBC |
| 2 | 03/NQ-HĐQT | 04/2/2020 | Thông qua biên bản họp về việc công tác cán bộ (Ô. Nguyễn Tri Hòa thôi làm PGĐ Công ty) |
| 3 | 04/NQ-HĐQT | 20/2/2020 | Thông qua KH SXKD năm 2020 và kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 |
| 4 | 05/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Chấp thuận bán thanh lý 02 xe ô tô 07 chỗ ngồi, hiệu TOYOTA LANDCRUISER PRADO đã qua sử dụng |
| 5 | 06/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Phê duyệt huy động vốn tín dụng ngắn hạn cá nhân tại VN bổ sung vốn lưu động thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty |
| 6 | 07/NQ-HĐQT | 15/4/2020 | Phê duyệt phương án sử dụng nguồn tiền thu từ việc thanh lý 02 xe ô tô Toyota Prado đã qua sử dụng |
| 7 | 08/NQ-HĐQT | 15/4/2020 | Ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Công ty DOBC” |
| 8 | 09/NQ-HĐQT | 28/4/2020 | Thông qua thực hiện chi phí quản lý năm 2019 và kế hoạch chi phí quản lý năm 2020 |
| 9 | 10/NQ-HĐQT | 12/5/2020 | Phê duyệt bán thanh lý Máy nén khí đã qua sử dụng |
| 10 | 11/NQ-HĐQT | 09/6/2020 | Thông qua biên bản họp v/v công tác cán bộ (Ô. Trần Quang Ngọc thôi kiêm quyền GD, Ô. Nguyễn Đức Đạt làm GD DOBC kể từ ngày 09/6/2020) |
| 11 | 12/NQ-HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty theo HĐ Hạn mức tín dụng số 33/19/HĐHM-9232 ngày 30/5/2019 |
| 12 | 13/NQ-HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty |

| TT | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|------------------------|------------------------------|------------|---|
| | | | theo HĐ Hạn mức tín dụng số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/01/2020 |
| 13 | 14/NQ-HĐQT | 29/6/2020 | Đánh giá việc thực hiện KH SXKD cả năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 |
| 14 | 15/NQ-HĐQT | 29/6/2020 | Phê duyệt chủ trương thanh lý Hợp đồng 145/PVC-PT-PETROLAND ngày 21/12/2010 giữa DOBC và Petroland |
| 15 | 16/NQ-HĐQT | 7/7/2020 | Chấp thuận công tác cán bộ tại CN- Xí nghiệp 3 (Ông Trần Ngọc Tú thôi giữ chức KTT CN-XN3) |
| 16 | 17/NQ-HĐQT | 13/7/2020 | Phê duyệt Phương án vay vốn từ Tổng Công ty PVC |
| 17 | 18/NQ-HĐQT | 10/8/2020 | Chấp thuận công tác cán bộ (Ông Phạm Cao Cường giữ chức PP KT – KT) |
| 18 | 19/NQ-HĐQT | 21/8/2020 | Chấp thuận công tác cán bộ tại CN- Xí nghiệp 2 |
| 19 | 20/NQ-HĐQT | 26/8/2020 | Chấp thuận thanh lý trang thiết bị sau kiểm kê tháng 6/2020 |
| 20 | 21/NQ-HĐQT | 28/9/2020 | Thông qua biên bản họp v/v: Đánh giá kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm; thành lập HĐ kỷ luật |
| 21 | 22/NQ-HĐQT | 12/10/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2020 |
| 22 | 23/NQ-HĐQT | 16/10/2020 | Giới thiệu đề bầu TV HĐQT |
| 23 | 24/NQ-HĐQT | 29/10/2020 | Công tác cán bộ (Phó phòng TC-HC) |
| 24 | 25/NQ-HĐQT | 06/11/2020 | Công tác cán bộ |
| 25 | 26/NQ-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/1/2020 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 26 | 27/NQ-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng 33/19/HĐHM -9232 ngày 30/5/2019 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 27 | 28/NQ-HĐQT | 17/11/2020 | Công tác cán bộ (tại CN-XN1) |
| 28 | 29/NQ-HĐQT | 10/12/2020 | Công tác cán bộ (tại CN-XN3) |
| 29 | 30/NQ-HĐQT | 21/12/2020 | Công tác cán bộ (tại CN-XN3) |
| 30 | 31/NQ-HĐQT | 24/12/2020 | Phê duyệt giá cho thuê mặt bằng tại số 01 Phạm Văn Nghị - Phường Thắng Nhất- Tp. Vũng Tàu |
| II- QUYẾT ĐỊNH: | | | |
| 1 | 01/QĐ-HĐQT | 03/01/2020 | Phê duyệt kế hoạch thực hiện và chi phí thực hiện HĐ số 311019/LILAMA-DOBC ngày 31/10/2019 v/v: Lắp đặt đường ống 26' và trạm tiếp bờ thuộc Dự án: Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh |
| 2 | 05/QĐ-HĐQT | 22/01/2020 | Cử Ông Vũ Chí Cường – TV HĐQT đi công tác Thái Bình |
| 3 | 06/QĐ-HĐQT | 04/02/2020 | Thôi giữ chức Phó giám đốc Công ty đối với |

| TT | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|----|------------------------------|------------|--|
| | | | Ông Nguyễn Tri Hòa |
| 4 | 08/QĐ-HĐQT | 21/02/2020 | Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020 DOBC |
| 5 | 10/QĐ-HĐQT | 04/03/2020 | Phê duyệt kế hoạch thực hiện và chi phí thực hiện HĐ số 29-2020/BSR-DOBC-DMC.M ngày 08/01/2020 |
| 6 | 11/QĐ-HĐQT | 17/03/2020 | Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng Công ty DOBC |
| 7 | 13/QĐ-HĐQT | 12/05/2020 | Cử Ông Trần Mạnh Dũng – TV HĐQT đi công tác Thái Bình |
| 8 | 14/QĐ-HĐQT | 02/06/2020 | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thực hiện và chi phí thực hiện HĐ số 311019/LILAMA-DOBC ngày 31/10/2019 |
| 9 | 15/QĐ-HĐQT | 09/06/2020 | Thôi kiêm quyền Giám đốc Công ty đối với Ông Trần Quang Ngọc |
| 10 | 16/QĐ-HĐQT | 09/06/2020 | Bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Đức Đạt |
| 11 | 17/QĐ-HĐQT | 09/06/2020 | Thôi giữ chức Trưởng phòng TCHC Công ty |
| 12 | 19/QĐ-HĐQT | 10/06/2020 | Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên 2020 DOBC |
| 13 | 20/QĐ-HĐQT | 10/06/2020 | Quy chế bầu cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025 |
| 14 | 21/QĐ-HĐQT | 17/06/2020 | Cử Ông Trần Mạnh Dũng – Cố vấn HĐQT đi công tác Hà Nội |
| 15 | 22/QĐ-HĐQT | 17/06/2020 | Bổ nhiệm Cố vấn HĐQT Công ty |
| 16 | 23/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Phân công nhiệm vụ cho các TV HĐQT |
| 17 | 24/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Kiện toàn Hội đồng tuyển dụng |
| 18 | 25/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Kiện toàn Hội đồng xét lương |
| 19 | 26/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng |
| 20 | 27/QĐ-HĐQT | 02/07/2020 | Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán soát xét Báo cáo giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 |
| 21 | 28/QĐ-HĐQT | 9/7/202 | Bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty (ông Trần Vũ Phụng) |
| 22 | 30/QĐ-HĐQT | 26/8/2020 | Phê duyệt kế hoạch triển khai và dự kiến chi phí thực hiện HĐ 189/TK-QLKT/PVCMS gói thầu A2 Dự án “ Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam” |
| 23 | 31/QĐ-HĐQT | 29/9/2020 | Thành lập Hội đồng kỷ luật |
| 24 | 32/QĐ-HĐQT | 29/9/2020 | Tạm dừng và thu hồi Quy chế trả lương, trả thưởng theo QĐ số 11/QĐ-HĐQT ngày 17/3/2020. |
| 25 | 33/QĐ-HĐQT | 29/10/2020 | Thôi giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty Ông Nguyễn Minh Ngọc |
| 26 | 34/QĐ-HĐQT | 06/11/2020 | Thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty Ông Nguyễn Đức Đạt |
| 27 | 35/QĐ-HĐQT | 06/11/2020 | Giao nhiệm vụ Người đại diện theo Pháp luật cho Ông Trần Vũ Phụng |

| TT | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|----|------------------------------|------------|--|
| 28 | 36/QĐ-HĐQT | 11/11/2020 | Kiện toàn nhân sự Ban triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty |
| 29 | 37/QĐ-HĐQT | 17/11/2020 | Kiện toàn hội đồng tuyển dụng |
| 30 | 38/QĐ-HĐQT | 17/11/2020 | Kiện toàn hội đồng xét lương |
| 31 | 39/QĐ-HĐQT | 17/11/2020 | Kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng |
| 32 | 40/QĐ-HĐQT | 31/12/2020 | Điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty |

2. Báo cáo về việc thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ năm 2020 ủy quyền:

Tại Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 16/06/2020, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD 2020 của Công ty để phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty, nếu được chấp thuận của Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC).

Trong năm 2020, do hoạt động SXKD bị ảnh hưởng lớn từ dịch Covid 19 và các tồn tại vướng mắc tại các dự án chưa được Chủ đầu tư/Tổng thầu giải quyết nên tình hình hoạt động SXKD của Công ty gặp khó khăn. Công ty đã đề xuất với Tổng Công ty PVC điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 và đã được chấp thuận tại Quyết định số 2449/QĐ-XLKD ngày 31/12/2020. Trên cơ sở chấp thuận của Tổng Công ty PVC, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020 về việc: “Điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí”.

3. Về công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:

Trong năm 2020, HĐQT tiếp tục triển khai Phương án tái cơ cấu và định biên nhân sự giai đoạn 2019-2020 đã được Tổng Công ty phê duyệt: đã cho sáp nhập 1 bộ phận của Văn phòng Đảng – Đoàn thể vào Phòng Tổ chức Hành chính.

Đối với các CN-XN: đã định biên xong bộ máy gián tiếp của CN-XN tương đương mô hình đội, sẵn sàng chuyển đổi CN- XN thành các Đội Xây lắp trực thuộc, xong chưa thể thực hiện ngay được, do tình hình tài chính Công ty rất khó khăn, trong khi đó các CN- XN đều nợ thuế, nợ bảo hiểm....HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện nội dung này trong năm 2021 khi thu xếp được tài chính.

Hiện nay, bộ máy Công ty còn **04** phòng chức năng (gồm: Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Phòng Thương mại Vật tư); **03** Chi nhánh Xi nghiệp (XNXL số 1, XNXL số 2, XNXL số 3) và **01** Ban điều hành dự án DOBC Thái Bình 2. Về nhân sự đã giảm từ 312 người xuống còn 219 người (trong đó gián tiếp 93 người). Về cơ bản, bộ máy Công ty đã bớt cồng kềnh đi nhiều.

HĐQT không ngừng quan tâm đến việc bố trí, sắp xếp, tuyển dụng, điều động, luân chuyển, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong bộ máy điều hành từ Công ty đến các Đơn vị trực thuộc; Đã chỉ đạo thực hiện luân chuyển, tiếp nhận, bổ nhiệm một số vị trí quan trọng và then chốt trong bộ máy điều hành Công ty, cũng như tiếp nhận, bổ nhiệm, điều động bố trí cán bộ các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng

Quy chế quản lý cán bộ của Công ty. Song vì những khó khăn chung của Công ty mà khó lòng thu hút và giữ chân được lực lượng lao động chất lượng cao.

4. Về công tác giám sát, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Phối hợp tham gia cùng Ban giám đốc thực hiện tiếp thị đấu thầu và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ SXKD, cùng Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công tại các công trình/dự án.

Tuy nhiên, kế hoạch triển khai Dự án NMNĐ Thái Bình 2 của Chủ đầu tư và Tổng thầu chậm lại/tạm dừng thi công làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng, doanh thu. Đồng thời, kế hoạch thu hồi công nợ của Dự án cũng chậm lại dẫn đến dư nợ tín dụng bình quân trong năm cao, mặc dù các khoản vay liên quan đến dự án NMNĐ Thái Bình 2 được Công ty chủ động làm việc với Ngân hàng tài trợ vốn cơ cấu lại thời gian trả nợ nhưng không giảm được chi phí lãi vay làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD.

Một số công trình ký mới có giá trị nhỏ do vậy giá trị sản lượng, doanh thu thấp; giá trị lợi nhuận gộp của các công trình dự án không thể bù đắp được các chi phí quản lý điều hành, chi phí tài chính và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, dẫn đến bị lỗ. Ngoài ra do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm kéo dài tiến độ thực hiện một số dự án, dẫn đến chi phí tăng, giảm lợi nhuận.

ĐVT: tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | | Thực hiện năm 2020 | Tỷ lệ % | |
|----|-------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------|--------------------|---------------------------------------|-------------------------|
| | | | Được duyệt (*) | Kế hoạch điều chỉnh (**) | | So với kế hoạch năm 2020 (Điều chỉnh) | So với cùng kỳ năm 2019 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 81,45 | | | 63,43 | 78% | |
| 2 | Giá trị sản lượng | 64,95 | 97,00 | 82,00 | 83,91 | 102,33% | 129,19% |
| 3 | Doanh thu | 108,68 | 137,00 | 74,00 | 73,61 | 99,47% | 67,73% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | -21,81 | - | - | -18,02 | - | - |
| 5 | Đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| 6 | Nộp NSNN | 12,18 | 10,00 | 3,00 | 6,78 | 226% | 55,67% |
| 7 | Lương bình quân (tr/ng/tháng) | 7,98 | 6,2 | 6,2 | 6,5 | 105% | 81% |

Ghi chú:

(*): Kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHCĐ thường niên 2020 của DOBC thông qua tại NQ 01/NQ/ĐHCĐ ngày 16/06/2020.

(**): Kế hoạch SXKD năm 2020 được điều chỉnh tại Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020

- **Sản lượng:** Giá trị sản lượng thực hiện năm 2020 là: 83,91 tỷ đồng, đạt 102,33% (83,91/82,00 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2020 (*đã điều chỉnh*), đạt 129,19% (83,91/64,95 tỷ) so với cùng kỳ năm 2019.

- **Doanh thu:** Giá trị doanh thu thực hiện năm 2020 là: 73,61 tỷ đồng, đạt 99,47% (73,61/74,00 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2020 (*đã điều chỉnh*), đạt 67,73% (73,61/108,68 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2019.

- **Lợi nhuận:** Giá trị lợi nhuận thực hiện năm 2020 không đạt kết quả kế hoạch năm 2020, lỗ trong năm 2020: -18,02 tỷ.

- **Đầu tư:** Không thực hiện đầu tư đang tập trung nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh.

- **Nộp ngân sách nhà nước:** Giá trị nộp ngân sách nhà nước thực hiện trong năm 2020 là: 6,78 tỷ đồng, đạt 226% (6,78 /3,00 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2020 (*đã điều chỉnh*), đạt 55,67% (6,78/12,18 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2019.

- Lương bình quân thực hiện năm 2020 là: 6,5 triệu/người/tháng, đạt 105% kế hoạch năm 2020.

Năm 2020 ngoài những khó khăn khách quan đã nêu ở trên, thì còn một số nguyên nhân chủ quan dẫn đến kế hoạch sản lượng và doanh thu của Công ty không đạt như kế hoạch ban đầu là:

- Do chiến lược quản trị và phối hợp giữa HĐQT và Ban giám đốc còn nhiều hạn chế; thiếu quyết liệt trong chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD và công tác tiếp thị đấu thầu, chưa nhanh nhạy trong việc nắm bắt và xử lý thông tin thị trường, đơn giá chào thầu cao.

- Chưa kiên quyết trong việc triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu, dẫn đến tình trạng người thừa vẫn thừa, người thiếu vẫn thiếu.

- Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí còn chưa triệt để.

5. Về kết quả giám sát đối với Giám đốc/ Người điều hành khác:

Ban giám đốc đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng và thường xuyên có mặt trên các công trường để trực tiếp chỉ đạo điều hành đạt hiệu quả.

Công tác điều hành sản xuất từ cơ quan Công ty đến các Chi nhánh - Xí nghiệp trực thuộc và Công trường đã bám sát nhiệm vụ kế hoạch và nhu cầu thực tiễn để chỉ đạo và điều hành sản xuất. Ban giám đốc đã có những biện pháp quyết liệt để quản lý chặt từ ngày công, giờ công, nhất là lao động thuê ngoài và tăng cường chỉ đạo tiết giảm chi phí quản lý, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ các dự án công trình đang thi công.

Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại của Ban giám đốc cụ thể như sau:

- Việc kiểm tra giám sát chi phí, hoạt động của các Chi nhánh Xí nghiệp còn chưa chặt chẽ, dẫn đến hoạt động của các Chi nhánh – Xí nghiệp ít hiệu quả.

- Việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty chỉ mang tính hình thức.

Ban Giám đốc cần phải khắc phục những tồn tại nêu trên để kết quả SXKD 2021 đạt hiệu quả hơn.

6. Về công tác quản lý, sử dụng vốn và giám sát tài chính:

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các Phòng/Ban/Đơn vị sản xuất thực hiện tiết giảm tối đa chi phí, tăng năng xuất lao động.

Tích cực làm việc với các ngân hàng để mở thêm hạn mức tín dụng: Tái cấp bảo lãnh / hạn mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Quốc dân là 151 tỷ đồng.

Tiếp tục rà soát và đàm phán giảm công nợ phải trả tồn đọng với các nhà thầu/nhà cung cấp để xác định rõ bản chất của công nợ phải trả; Tăng cường công tác thu hồi vốn, đối chiếu công nợ để đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác; tiết giảm chi phí tài chính; luân chuyển, đảm bảo tối ưu vốn phục vụ SXKD.

Năm 2020 lỗ 18,02 tỷ do doanh thu thấp, lợi nhuận từ các công trình dự án không đủ bù chi phí quản lý, chi phí khác. Nguồn thu từ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 rất khó khăn, không trả được nguồn vay ngân hàng dẫn đến chi phí lãi vay lớn. Ngoài ra do ảnh hưởng của dịch Covid -19 làm kéo dài tiến độ thực hiện một số dự án, dẫn đến chi phí tăng, giảm lợi nhuận

7. Công tác đầu tư năm 2020:

Trong năm 2020 Công ty không thực hiện đầu tư, vì phải dùng nguồn vốn phục vụ cho SXKD. Ngoài ra, các công trình tiếp thị / hoặc trúng thầu được ít, nên Công ty cũng không thực hiện đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị thi công.

8. Về công tác quan hệ cổ đông:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư số: 155/2015/TT-BTC, ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính. Đồng thời thực hiện công tác đối ngoại, xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, với các cơ quan quản lý nhà nước và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

9. Báo cáo về các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó:

- Trong năm 2020, các Thành viên HĐQT và những người có liên quan không có giao dịch với Công ty và các Chi nhánh Xí nghiệp trực thuộc Công ty;

- Trong năm 2020, Công ty không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

10. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT:

- Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2020:

+ Các Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên, nên có 1 số hạn chế nhất định.

+ Các thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả lời đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT.

+ Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

- Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT: *Không có*

11. Một số mặt còn hạn chế /chưa làm được:

- HĐQT có 5 thành viên, thì 01 TV kiêm Phó giám đốc đã có đơn từ nhiệm ngày 3/9/2020 và 01 TV HĐQT kiêm Giám đốc đã có đơn từ nhiệm ngày 15/9/2020; 01 Đ/c thành viên độc lập HĐQT lại ở xa. Trong khi đó Đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm và bầu bổ sung TV HĐQT chưa thực hiện được (do chưa đủ nhân sự để bầu), cũng gây nhiều khó khăn cho hoạt động của HĐQT.

- Công tác tiếp thị, đấu thầu còn hạn chế, việc làm tại Vũng Tàu ít, trong khi đó Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 lại tạm dừng thi công, Công ty vẫn phải duy trì hoạt động của Ban; Nguồn tài chính hạn hẹp, công nợ với khách hàng kéo dài, trong khi việc vay vốn tại các Ngân hàng rất khó khăn làm ảnh hưởng nhiều đến việc trả lương, trả bảo hiểm, trả thuế, công nợ với khách hàng và việc mua sắm VTTB cho các Công trình/Dự án... gây khó khăn cho công tác chỉ đạo SXKD của HĐQT.

- Việc kiểm tra, giám sát việc thực thi Quy chế quy định của HĐQT, cũng như việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí chưa thực sự hiệu quả.

- Công tác kiểm tra giám sát các hoạt động SXKD hàng ngày đối với Ban điều hành còn hạn chế.

III. Báo cáo thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị:

ĐVT: VNĐ

| STT | Họ và tên | Thu nhập cả năm 2020 | Ghi chú |
|------------|--|-----------------------------|--|
| I- | Hội đồng Quản trị | | |
| 1 | Ông Vũ Minh Công (Chủ tịch HĐQT) | 123.572.172 | Làm TV HĐQT kể từ 16/6/2020 |
| 2 | Ông Trần Quang Ngọc | 105.229.131 | Thôi làm TV HĐQT kể từ 16/6/2020 |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Đạt | 89.863.836 | Làm TV HĐQT kể từ 16/6/2020; Thôi làm GD kể từ 06/11/2020 |
| 4 | Ông Trần Mạnh Dũng | 94.019.814 | Thôi làm TV HĐQT kể từ 16/6/2020 |
| 5 | Ông Nguyễn Tri Hòa | | Thôi làm TV HĐQT kể từ 16/6/2020, hưởng lương PGĐ, không hưởng thù lao kiêm nhiệm HĐQT theo NQ ĐHĐCĐ |
| 6 | Ông Nguyễn Minh Ngọc | | Hưởng lương PGĐ, không hưởng thù lao kiêm nhiệm HĐQT theo NQ ĐHĐCĐ |
| 7 | Ông Nguyễn Văn Hương (TV HĐQT độc lập) | 67.200.000 | Hưởng thù lao theo NQ ĐHĐCĐ |
| 8 | Ông Phạm Cương (TV HĐQT độc lập) | 32.500.000 | Làm TV HĐQT độc lập kể từ 16/6/2020, Hưởng thù lao theo NQ ĐHĐCĐ |
| | TỔNG CỘNG | 512.384.953 | |

Tổng chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2020 là **512.384.953** đồng.

IV. Kế hoạch và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

1. Dự báo tình hình ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị năm 2021:

Dự báo nhu cầu thị trường xây lắp còn tương đối lớn nhất là các dự án mà Tập đoàn đang đầu tư và chuẩn bị đầu tư. Trong khi các dự án lớn này, Chủ đầu tư thường đưa ra hình thức đấu thầu EPC, do vậy tiềm lực của công ty DOBC chỉ tham gia các dự án với vai trò là nhà thầu phụ xây lắp, ngoài ra phải cạnh tranh rất quyết liệt về giá cạnh tranh trong đấu thầu với các doanh nghiệp tư nhân đang đà phát triển và lớn mạnh trong lĩnh vực xây lắp, khả năng trúng thầu sẽ thấp, lợi nhuận sẽ không cao.

Năng lực và khả năng cạnh tranh trên thị trường của Công ty còn hạn chế về thiết bị thi công, tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, nhân lực... Trong khi Công ty vẫn bị lỗ lũy kế, năm 2021 Công ty sẽ phải đối mặt với nguy cơ thiếu hụt về vốn để phục vụ các hoạt động SXKD, đặc biệt là để hoàn thành các hạng mục tại Dự án Nhiệt Điện Thái Bình 2 và các dự án đang thi công.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch trong tương lai của HĐQT:

Trên cơ sở kết quả các chỉ tiêu chính trong năm 2020 và dự báo tình hình năm 2021, HĐQT Công ty xác định các nhiệm vụ trọng tâm và các kế hoạch trong tương lai như sau:

- Nhiệm vụ đầu tiên của bộ máy quản trị Công ty là định hướng chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, xem đây là nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay. Nếu xây dựng được một chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp hợp lý (phù hợp với môi trường kinh doanh, phù hợp với khả năng của doanh nghiệp) sẽ là cơ sở là định hướng tốt để doanh nghiệp tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2021:

- Sản lượng đạt: 93 tỷ đồng
- Doanh thu đạt: 94 tỷ đồng
- Lương bình quân: 6,5 triệu đồng/người/tháng.
- Nộp ngân sách nhà nước : 4 tỷ đồng

- Tập trung các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công các hạng mục tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Gói thầu A2 Dự án tổ hợp hóa dầu Miền Nam... đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Tổng thầu/Chủ đầu tư.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm công việc theo định hướng ngành nghề truyền thống/thế mạnh của đơn vị và phát huy tối đa về các lợi thế hiện có của Tổng công ty/các đơn vị thành viên để bổ sung nguồn việc năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Quyết liệt thực hiện công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, cơ cấu lại bộ máy quản lý và định biên lao động gián tiếp sao cho gọn nhẹ, nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD, quyết tâm đưa DOBC vượt khó qua giai đoạn hiện nay.

- Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ chất lượng, công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại các dự án, đặc biệt tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2. Rà soát, đối chiếu, xử lý công nợ, chú trọng đến các khoản công nợ, khối lượng dở dang tồn đọng từ lâu, thu hồi triệt để nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động SXKD.

- Tập trung và quyết liệt triển khai công tác xử lý nợ, đặc biệt là các khoản công nợ quá hạn/khó đòi. Tìm mọi cách khơi thông dòng vốn cho SXKD. Làm việc với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng cấp tín dụng cho SXKD; Khoanh nợ, giãn nợ để giảm chi phí lãi vay.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí, thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của Công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án, đảm bảo tất cả các công trình/dự án Công ty thi công đều có lãi, tối thiểu không bị lỗ.

- Về công tác đầu tư: Trong năm 2021, Công ty không dự kiến đầu tư mua sắm nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công, Công ty tập trung nguồn vốn để phục vụ SXKD.

- Đẩy mạnh xúc tiến triển khai công tác thoái vốn /chuyển nhượng sản phẩm văn phòng tại tầng 6, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ với các quy định, quy trình pháp luật/ Điều lệ của Công ty.

- Phối hợp với PVC-IC làm việc với UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xin gia hạn hợp đồng thuê đất đối với lô đất 35G,35D đường 30/4, TP. Vũng Tàu.

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty, đổi mới doanh nghiệp, rà soát sắp xếp lại bộ máy quản lý và định biên lao động gián tiếp một cách hợp lý; Hoàn thiện phương thức quản lý theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD.

V- Các đề xuất /kiến nghị :

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung ủy quyền cho HĐQT thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 đã được ĐHCĐ giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp gần nhất.

2. Trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD 2021 của Công ty để phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty, nếu được chấp thuận của Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC).

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PVC (để b/c);
- HĐQT, BKS, BGĐ DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

Số:...../BC-DOBC

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc: Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020

I. Đặc điểm tình hình chung

Trong năm 2020, tình hình giá dầu thế giới lên xuống diễn biến không ổn định. Tình hình kinh tế và chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Trong khi đó kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, ngoài ra diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng nhiều tình hình kinh tế chung toàn cầu. Trước tình hình dịch bệnh Covid vẫn đang diễn ra phức tạp như hiện nay, nền kinh tế chung của toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh dẫn đến nền kinh tế đi xuống. Vì vậy, cần đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được, các yếu kém, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm và bài học kinh nghiệm để có biện pháp khắc phục cho giai đoạn tới.

Tình hình của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) có những khó khăn và thách thức chung nhưng bằng nỗ lực và truyền thống ngành xây lắp đường ống vẫn được duy trì và xây dựng phát triển trong tương lai.

1. Thuận lợi

- DOBC là đơn vị xây lắp của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thuộc Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam;

- Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) đã ký được 02 Hợp đồng với giá trị khoảng 71,91 tỷ đồng và thi công các dự án chuyên tiếp từ năm 2019;

- Tập thể cán bộ nhân viên trong Công ty đã chủ động quyết tâm hơn trong quá trình triển khai thực hiện các công việc được giao, khẳng định vị thế là đơn vị chuyên ngành xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng đường ống, bồn bể.

❖ Khó khăn:

- Nguồn việc thông qua đấu thầu cạnh tranh trong và ngoài ngành dầu khí, khả năng trúng thầu rất thấp vì giá thầu cạnh tranh giữa đơn vị trong và ngoài ngành có giá chào thầu thấp; các gói thầu lớn thường là đấu thầu EPC trong nước hoặc quốc tế, năng lực của DOBC không đáp ứng được và chỉ đóng vai trò là thầu phụ đối với gói thầu

EPC. Vì vậy, nguồn việc công ty hạn chế dẫn đến giá trị SXKD thấp, không đảm bảo được công việc cho CBCNV cho Công ty;

- Trong năm 2020, kế hoạch triển khai Dự án NMNĐ Thái Bình 2 của Chủ đầu tư và Tổng thầu chậm lại/tạm dừng thi công làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng, doanh thu. Đồng thời, kế hoạch thu hồi công nợ của Dự án cũng chậm lại dẫn đến dư nợ tín dụng bình quân trong năm cao, mặc dù các khoản vay liên quan đến dự án NMNĐ Thái Bình 2 được Công ty chủ động làm việc với Ngân hàng tài trợ vốn cơ cấu lại thời gian trả nợ nhưng không giảm được chi phí lãi vay làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD.

- Nguồn tài chính hạn chế dẫn đến việc Công ty chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với NSNN, cơ quan BHXH, trợ cấp thôi việc, nợ lương người lao động, nợ khách hàng ... các khó khăn trên dẫn đến Công ty bị cưỡng chế thuế, người lao động nghỉ việc từ phương án tái cấu trúc chưa được thanh toán trợ cấp thôi việc, Công ty chưa chốt được sổ BHXH đối với các lao động nghỉ việc/chuyển công tác/ngỉ chế độ, khách hàng khởi kiện ...

Những khó khăn trên tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong năm 2021.

II. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020:

Với những thuận lợi và khó khăn như trên toàn thể lãnh đạo và CBCNV Công ty DOBC đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và đã đạt được kết quả hoạt động SXKD như sau:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2020

Trong năm 2020, do hoạt động SXKD bị ảnh hưởng lớn từ dịch Covid 19 và các tồn tại vướng mắc tại các dự án chưa được Chủ đầu tư/Tổng thầu giải quyết nên tình hình hoạt động SXKD của Công ty gặp khó khăn. Công ty đã đề xuất với Tổng Công ty PVC điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 và đã được chấp thuận tại Quyết định số 2449/QĐ-XLTK ngày 31/12/2020. Trên cơ sở chấp thuận của Tổng Công ty PVC, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020 về việc: “Điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí”.

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2020 | | Thực hiện năm 2020 (Số liệu đã kiểm toán) | Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch điều chỉnh năm 2020 |
|----|---------------------------------|-------------|-------------------|--------------------------|--|---|
| | | | Được duyệt (*) | Kế hoạch điều chỉnh (**) | | |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 81,45 | | | 63,43 | 78% |
| 2 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 97,00 | 82 | 83,91 | 102,32% |
| 3 | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 137,00 | 74 | 73,61 | 99,47% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | - | - | -18,02 | - |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | - | - | -18,02 | - |
| 6 | Đầu tư | Tỷ đồng | - | - | | - |
| 7 | Nộp ngân sách nhà nước (đã nộp) | Tỷ đồng | 10,00 | 3 | 6,78 | 226% |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2020 | | Thực hiện năm 2020 (Số liệu đã kiểm toán) | Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch điều chỉnh năm 2020 |
|----|-------------------------------------|-------------|-------------------|--------------------------|--|---|
| | | | Được duyệt (*) | Kế hoạch điều chỉnh (**) | | |
| 8 | Lương bình quân (triệu đồng /tháng) | triệu đồng | 6,2 | 6,20 | 6,50 | |

Ghi chú:

(*): Kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHCĐ thường niên 2020 của DOBC thông qua tại NQ 01/NQ/ĐHCĐ ngày 16/06/2020.

(**): Kế hoạch SXKD năm 2020 được điều chỉnh tại Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020.

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2020 là: 83,91 tỷ đồng, đạt 102,32 % so với kế hoạch năm 2020 đã điều chỉnh (83,91/82 tỷ đồng).

- Doanh thu thực hiện năm 2020 là: 73,61 tỷ đồng, đạt 99,47% so với kế hoạch năm 2020 đã điều chỉnh (73,61/74 tỷ đồng).

- Lợi nhuận thực hiện năm 2020 là: -18,02 tỷ đồng, lỗ 18,02 tỷ không hoàn thành kế hoạch năm 2020 .

- Đầu tư năm 2020 không thực hiện đầu tư do vốn tập trung vào sản xuất kinh doanh.

- Ngân sách nhà nước đã nộp trong năm 2020 là: 6,78 tỷ đồng, đạt 226% kế hoạch năm 2020 đã điều chỉnh (6,78/3 tỷ đồng).

+ **Sản lượng:** Giá trị sản lượng thực hiện năm 2020 là 83,91 tỷ đạt 102,32% (83,91/82 tỷ đồng) so kế hoạch năm 2020 đã điều chỉnh. Giá trị sản lượng năm 2020 đạt kế hoạch ở các dự án sau: Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ điện, thử nghiệm và chạy thử; trạm bơm nước làm mát; Hệ thống cung cấp dầu HFO: 3,5 tỷ; Paving: 1,4 tỷ; Lắp đặt đường ống 26" và trạm tiếp bờ dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh: 16,01 tỷ; Cung cấp dịch vụ chống ăn mòn trong đợt bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất: 50,2 tỷ; Thuê dịch vụ lắp đặt ống công nghệ , ống PCC lắp đặt Piperack trên KV Interconnecting và tank farm gói thầu A2 dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Miền Nam Việt nam: 10,44 tỷ; Nhà bảo tàng khu di tích LS Huyện Côn Đảo: - 0,97 tỷ

+ **Doanh thu:** Giá trị doanh thu thực hiện năm 2020 là 73,609 tỷ, đạt 99,47% so kế hoạch năm 2020 đã điều chỉnh. Ghi nhận doanh thu do một số công trình, dự án như sau: Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ điện, thử nghiệm và chạy thử; trạm bơm nước làm mát; Hệ thống cung cấp dầu HFO: 0,809 tỷ; Cảng xuất nhập liệu 500.000 tấn Cà Mau: 4,41 tỷ; Sao Vàng Đại Nguyệt: 0,39 tỷ; Lắp đặt đường ống 26" và trạm tiếp bờ dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh: 10,02 tỷ; Cung cấp dịch vụ chống ăn mòn trong đợt bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất: 45,47 tỷ; Thuê dịch vụ lắp đặt ống công nghệ , ống PCC lắp đặt Piperack trên KV Interconnecting và tank farm gói thầu A2 dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Miền Nam Việt nam: 7,39 tỷ; Nhà bảo tàng khu di tích LS Huyện Côn Đảo: -0,88 tỷ

+ **Lợi nhuận:** Giá trị lợi nhuận thực hiện năm 2020 lỗ 18,02 tỷ do doanh thu thấp, lợi nhuận từ các công trình, dự án không đủ bù chi phí quản lý, chi phí khác. Ngoài ra do nguồn thu từ dự án Thái Bình 2 rất khó khăn không trả được nguồn vay ngân hàng dẫn đến chi phí lãi vay lớn. Ngoài ra do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm kéo dài tiến độ thực hiện một số dự án, dẫn đến chi phí tăng, giảm lợi nhuận.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất

- Thường xuyên rà soát các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và các khó khăn vướng mắc kịp thời ban hành các nghị quyết, chương trình hành động, xây dựng triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cấp bách để tháo gỡ và giải quyết những khó khăn và vướng mắc phát sinh trong sản xuất một cách triệt để và khoa học.

- Triển khai quyết liệt chương trình tái cấu trúc về tài chính mà chủ yếu tập trung vào công tác xử lý các khoản vay quá hạn tại các tổ chức tín dụng và đàm phán giảm các khoản công nợ phải trả đối với các khách hàng, qua đó đàm phán giảm lãi phải trả đạt được hiệu quả cao so với các năm trước.

- Gặp gỡ các tổ chức tín dụng, đàm phán để thu xếp vốn phục vụ cho công tác triển khai các dự án của Công ty trong năm 2020.

- Rà soát các quy trình quy chế, quy định để xây dựng hệ thống văn bản quản lý đồng bộ, phù hợp với định hướng và nhiệm vụ SXKD; Rà soát định biên lại nhân sự các Phòng/Đơn vị;

- Từng thành viên trong Ban Giám đốc Công ty theo nhiệm vụ đã được phân công, đã tìm hiểu thực tế từng công trình/dự án DOBC đang thi công để gặp gỡ và làm việc với các Chủ đầu tư kịp thời đề ra những giải pháp để tháo gỡ những khó khăn và vướng mắc.

- Chỉ đạo quyết liệt công tác tiếp thị đấu thầu nhằm tìm kiếm nguồn việc làm cho Công ty, đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động.

- Duy trì tốt hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015; Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018.

3. Công tác tổ chức, lao động, đào tạo

- Công ty đã củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị:

- Tập trung phát triển các bộ phận sản xuất theo hướng chuyên sâu, phát huy thế mạnh của từng bộ phận.

- Hiện nay Công ty gồm Ban Thái Bình,; 04 Phòng chức năng nghiệp vụ: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Phòng Thương mại Vật tư và 03 Chi nhánh - Xí nghiệp: XNXL số 1, XNXL số 2, XNXL số 3. Tổng số CBCNV đến cuối năm 2020: 219 người.

- Đối với công tác đào tạo, năm 2020 Công ty chỉ tổ chức tập huấn, cập nhật các thông tư, nghị định về BHXH, Luật lao động; Luật doanh nghiệp; đào tạo về ISO theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, ISO 9001:2015, ISO 45001: 2018 và đào tạo an toàn cho các dự án mà Công ty đang thi công.

4. Công tác tài chính kế toán, thu hồi vốn

- Tập trung thu hồi vốn, đối chiếu công nợ để đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan công tác thu hồi vốn vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác.

- Cung cấp thông tin và báo cáo kịp thời cho lãnh đạo để phối hợp chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Phòng Tài chính kế toán cân đối được các khoản thu và phối hợp với Phòng Tổ chức hành chính có thể thanh toán Bảo hiểm xã hội cho CBCNV.

5. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể:

Trong điều kiện tài chính khó khăn, công đoàn phối hợp với chính quyền vận dụng phù hợp điều kiện của mình tổ chức tốt các hoạt động phong trào văn hóa, thể dục, thể thao trong toàn Công ty, cụ thể như kỷ niệm 110 năm ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3/1910-8/3/2020) và chào mừng 32 năm ngày thành lập Công ty DOBC, tặng cho các cháu là con CBCNV Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết trung thu, khen thưởng cho các cháu có thành tích tốt trong học tập năm 2019-2020, tham gia giải bóng chuyền do các đơn vị bạn tổ chức. Tổ chức giao lưu gặp mặt nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 tại Suối nước nóng Bình Châu .

Với tinh thần tương thân, tương ái công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức quyên góp ủng hộ cho 14 CBCNV Công ty có gia đình và người thân bị ảnh hưởng bão lũ trực tiếp tại Miền Trung (mỗi gia đình 1 triệu đồng), ngoài ra Ban nữ công kêu gọi sự ủng hộ trong toàn Công ty, phát trao tận tay 300 phần quà cho 300 hộ gia đình bị ngập lũ tại Lệ Thủy Quảng Bình.

Phần II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng công ty DOBC là đơn vị xây lắp chuyên ngành chủ lực của Tổng Công ty PVC nhằm ổn định và từng bước phát triển bền vững .

- Duy trì ổn định Công ty trong năm 2021. Năm 2021-2025 tiếp tục duy trì mức ổn định công ty và đến cuối các năm về sau không bị lỗ.

- Xây dựng và duy trì Công ty DOBC thành nhà thầu Xây lắp chuyên ngành xây lắp dầu khí chất lượng và chuyên bảo dưỡng, bảo trì các công trình trong ngành dầu khí.

+ Xây lắp các nhà máy điện;

+ Mở rộng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các công trình dầu khí trên bờ và ngoài biển;

+ Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, kết cấu chuyên ngành Dầu khí .

II. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2021

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2020. Công ty DOBC xây dựng phương hướng và nhiệm vụ năm 2021 như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2021 | Ghi chú |
|-----------|-----------------|--------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Sản lượng | Tỷ đồng | 93 | |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2021 | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|--------------------|--------------------------|----------------|
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 94 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | - | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | - | |
| 5 | Chi trả cổ tức | Tỷ đồng | 0 | |
| 6 | Thu nhập bình quân/tháng | Triệu đồng | 6,5 | |
| 7 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 4 | |

III. Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch

1. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 nêu trên, Công ty DOBC thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tập trung mọi nguồn vốn, nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để hoàn thành tốt và đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Tổng thầu/ Chủ đầu tư tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, các gói thuộc dự án Nhà máy lọc dầu Long Sơn-Vũng Tàu.

- Đẩy mạnh công tác lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu, tích cực trong công tác thu hồi vốn và công nợ nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- Tập trung và quyết liệt triển khai công tác xử lý nợ, đặc biệt là các khoản công nợ quá hạn/khó đòi.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí quản lý sản xuất, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án, đảm bảo tất cả các công trình, dự án Công ty thi công đều có lãi hoặc không bị lỗ.

- Đẩy mạnh xúc tiến triển khai công tác thoái vốn /chuyển nhượng sàn văn phòng tại tầng 6, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ với các quy định, quy trình pháp luật/ Tổng Công ty/ Điều lệ của Công ty.

- Phối hợp với PVC-IC làm việc với UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xin gia hạn hợp đồng thuê đất đối với lô đất 35G, 35D đường 30/4, TP. Vũng Tàu.

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty, rà soát sắp xếp lại bộ máy quản lý và định biên lao động gián tiếp một cách hợp lý; Hoàn thiện phương thức quản lý theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí quản lý sản xuất, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty và trong các Dự án.

2. Các giải pháp thực hiện

 **Nguồn việc:**

Tập trung và tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm cho Công ty tại các dự án Nhà máy lọc dầu Long Sơn, DMC Cà Mau... Duy trì và khai thác tối đa thị trường truyền thống của Vietsovpetro, Đạm Cà Mau, PVGAS,....

- Tích cực tiếp thị và tạo mối quan hệ lại với các đối tác truyền thống của Công ty đã có từ rất lâu nay như: Vietsovpetro; Lọc hóa dầu Dung Quất,... Xây dựng công việc tốt và tín nhiệm với đơn vị chúng ta đã thực hiện PVGas; Đạm Cà Mau; Lọc hóa dầu Bình Sơn ...

- Tham gia đấu thầu cạnh tranh trong và ngoài ngành dầu khí, có thể liên danh với các đơn vị trong Tổng Công ty tham gia chào thầu các gói thuộc dự án Nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn.

Quản lý tài chính:

- Tích cực theo dõi, đôn đốc các mốc nghiệm thu, thanh toán các dự án, công trình công nợ phải thu để đảm bảo tốt nguồn tài chính phục vụ cho dự án.

- Quan hệ mật thiết với các đối tác Ngân hàng để có thể xin cấp hạn mức vay cho Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PVC (để b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (để b/c);
- Lưu VT; P. KTKT.

GIÁM ĐỐC

Trần Vũ Phụng

Số: /DOBC-BKS

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

- Căn cứ luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát DOBC;
- Căn cứ vào tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

Ban kiểm soát Công ty DOBC báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2020 của DOBC và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát DOBC gồm có 3 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban làm chuyên trách và 02 thành viên làm kiêm nhiệm, gồm:

- 1- Ông Đàm Quang Hưng – Trưởng Ban
- 2- Bà Hoàng Phương Ngọc – TV Ban kiểm soát, CV Phòng TM-VT
- 3- Ông Nguyễn Mậu Thơ – TV Ban kiểm soát, CV Phòng TM-VT

Trong năm 2020, trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát Công ty đã tập trung triển khai, thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, ngoài việc giám sát thường xuyên các hoạt động SXKD của Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, của HĐQT và Ban giám đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết HĐQT trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc.

- Kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua các cuộc họp, các văn bản và báo cáo định kỳ của Phòng chức năng, Ban điều hành và các Chi nhánh – Xí nghiệp.

- Phối hợp với các Phòng chức năng Công ty tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Thực hiện báo cáo 9 tháng đầu năm 2020 và cả năm 2020 theo đúng quy định.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các quy chế của Công ty.

- Kiểm tra các báo cáo tài chính, quý, năm của Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020 và cả năm 2020 trên cơ sở báo cáo tài chính kế toán của Công ty; Thẩm định báo cáo kết quả SXKD của Công ty; Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tham dự các cuộc họp định kỳ /hoặc bất thường theo thông báo của HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc, cập nhật thông tin để đề xuất, kiến nghị các giải pháp phục vụ cho công tác quản trị, quản lý điều hành sản xuất của Công ty.

Năm 2020, BKS DOBC với 3 thành viên, nhưng trong đó 02 người bán chuyên trách, làm chuyên môn tại văn phòng Công ty nên công việc kiểm tra giám sát có nhiều thuận lợi, BKS thường xuyên trao đổi công việc từ đó đưa ra kiến nghị với HĐQT và bộ máy quản lý điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát đã phát huy quyền hạn nhiệm vụ của mình, thực hiện quyền giám sát trên mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, bộ máy quản lý điều hành.

Thường xuyên đưa ra các kiến nghị đề xuất với bộ máy quản lý điều hành, Hội đồng quản trị, cơ quan quản lý cấp trên về những bất cập, chưa hợp lý trong công tác quản trị Công ty. Thường xuyên kiểm tra tính chính xác của các báo cáo tài chính để có kiến nghị kịp thời về tình hình tài chính và thực trạng công tác bảo toàn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2020 Ban kiểm soát hoạt động thường xuyên, không thực hiện kiểm soát theo chuyên đề.

Trong năm 2020, ngoài công tác trao đổi thường xuyên giữa các thành viên, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp sau khi có báo cáo quyết toán quý, nhưng không ban hành các quyết định.

II. Hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng TV BKS như sau:

1. Ông Đàm Quang Hưng – Trưởng ban kiểm soát

- Phụ trách chung và điều hành hoạt động chung của ban .

- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát theo điều lệ Công ty bao gồm :

+ Xem xét , giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Hội đồng quản trị , Ban giám đốc

+ Kiểm tra tính hợp lý , hợp pháp trong quản lý , điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty .

+ Giám sát hoạt động tài chính của Công ty , thẩm tra các báo cáo tài chính quý , giữa niên độ và năm

+ Tổng hợp báo cáo của các thành viên và báo cáo trước đại hội cổ đông thường niên

Nhận xét: Ông Đàm Quang Hưng đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ DOBC quy định; Thực hiện tốt công việc do BKS phân công.

2. Ông Nguyễn Mậu Thơ - Ủy viên ban kiểm soát

Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát cụ thể theo điều lệ bao gồm ;

+ Phối hợp xem xét , kiểm soát tính hợp lý , hợp pháp trong việc ban hành và thực hiện các nghị quyết , quyết định của HĐQT và Ban giám đốc

+ Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật , nội quy , quy định của Công ty

+ Xem xét kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế , quy trình mua sắm vật tư , thiết bị và CCDC

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công

Nhận xét: Ông Nguyễn Mậu Thơ đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ DOBC quy định; Thực hiện tốt công việc do BKS phân công.

3. Bà Hoàng Phương Ngọc - Ủy viên ban kiểm soát

Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát cụ thể theo điều lệ bao gồm :

+ Xem xét tính hợp lý , hợp pháp trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty .

+ Xem xét , kiểm tra , thẩm định các báo cáo tài chính quý , giữa niên độ và năm của công ty

+ Là đầu mối tiếp nhận hồ sơ , tài liệu của ban kiểm soát

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công

Nhận xét: Bà Hoàng Phương Ngọc đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ DOBC quy định; Thực hiện tốt công việc do BKS phân công.

III. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

Chi tiết thù lao của Ban Kiểm soát được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình về việc thông qua quyết toán thù lao năm 2020 và phương án chi trả thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2020 theo quy định.

Đối với các chi phí phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020: *Không có*

PHẦN II: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2020

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Trong năm 2020, do hoạt động SXKD bị ảnh hưởng lớn từ dịch Covid 19 và các tồn tại vướng mắc tại các dự án chưa được Chủ đầu tư/Tổng thầu giải quyết nên tình hình hoạt động SXKD của DOBC gặp khó khăn. DOBC đã đề xuất với Tổng Công ty PVC điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 và đã được chấp thuận tại Quyết định số 2449/QĐ-XLKD ngày 31/12/2020. Trên cơ sở chấp thuận của Tổng Công ty PVC, HĐQT DOBC đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020 về việc: “Điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí”.

Năm 2020, DOBC chủ yếu thi công một số hạng mục tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự án hóa dầu Long Sơn và dự án khí Nam Côn Sơn 2. Riêng chỉ tiêu sản lượng đạt kế hoạch còn lại chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều không hoàn thành so với kế hoạch đã được điều chỉnh.

ĐVT : Tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch 2020 | | Thực hiện năm 2020 | % Thực hiện | |
|----|--------------------------------|--------------------|----------------|--------------------------|--------------------|-------------------------------|-----------------|
| | | | Được duyệt (*) | Kế hoạch điều chỉnh (**) | | So với KH điều chỉnh năm 2020 | So với năm 2019 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 81,45 | | | 63,43 | 78% | |
| 2 | Giá trị sản lượng | 64,95 | 97,00 | 82 | 83,91 | 102,33% | 129,19% |
| 3 | Doanh thu | 108,68 | 137,00 | 74 | 73,609 | 99,47% | 67,73% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | -21,81 | - | - | -18,02 | - | - |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | -21,81 | - | - | -18,02 | - | - |
| 6 | Đầu tư | 0 | - | - | 0 | - | - |
| 7 | Nộp ngân sách nhà nước | 12,18 | 10,00 | 3 | 6,78 | 226% | 55,67% |
| 8 | Lương bình quân (triệu /tháng) | 7,98 | 6,2 | 6,2 | 6,5 | 104,84% | 81,45% |

Ghi chú:

(*): Kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 của DOBC thông qua tại NQ 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 16/06/2020.

(**): Kế hoạch SXKD năm 2020 được điều chỉnh tại Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020.

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2020 là: 83,91 tỷ đồng, đạt 102,33 % so với kế hoạch năm 2020 đã điều chỉnh (83,91/82 tỷ đồng) và đạt 129,19% so với thực hiện năm 2019 (83,91 tỷ đồng/64,95 tỷ đồng).

- Doanh thu thực hiện năm 2020 là: 73,609 tỷ đồng, đạt 99,47% so với kế hoạch năm 2020 đã điều chỉnh (73,609/74 tỷ đồng), đạt 67,73% so với cùng kỳ năm 2019.
- Lợi nhuận thực hiện năm 2020 là: lỗ 18,02 tỷ đồng không đạt kế hoạch năm 2020.

2. Tình hình thực hiện đầu tư:

Trong năm 2020, DOBC đã không thực hiện đầu tư. Các công trình tiếp thị / hoặc trúng thầu được ít, nên Công ty cũng không thực hiện đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị thi công.

Đối với tài sản tầng 6 tòa nhà Petroland, DOBC đã tiến hành cho Công ty CP Di động trực tuyến M-Service thuê để lấy nguồn vốn phục vụ SXKD trong thời gian 05(năm) năm theo đúng quy trình, đã báo cáo HĐQT;

Đối với công tác cấp chủ quyền khu đất tại 35G đường 30/4, phường 9, Vũng Tàu, hiện DOBC vẫn chưa nhận được ý kiến của Tỉnh và Sở Tài nguyên môi trường.

3. Công tác tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách:

Hiện nay Công ty có 4 Phòng chức năng (P. TC-HC. PTC-KT, PKT-KT, P TM-VT) và có 3 CN-XN (CN-XN1, CN-XN2, CN-XN 3), 01 Ban ĐHDA DOBC Thái Bình 2. Số lao động thực tế bình quân sử dụng là 219 người.

Năm 2020 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, công việc ít, thi công chủ yếu một số hạng mục tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự án hóa dầu Long Sơn và dự án khí Nam Côn Sơn 2. Riêng dự án nhiệt điện Thái Bình 2 do tình hình khách quan đã dừng thi công, chủ đầu tư thanh toán quá chậm dẫn đến công tác chi trả tiền lương cho CBCNV và người lao động bị chậm trễ, các khoản phải nộp như BHXH, BHYT, BHTN đều nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. , mức lương bình quân 2020 là: 6,5 triệu đồng/người/tháng; cao hơn so với kế hoạch đề ra (6,2Trđ/người /tháng), nhưng sụt giảm so với cùng kỳ 2019.

4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty:

Tính đến thời điểm kiểm tra, Công ty đang áp dụng 22 Quy chế (do HĐQT ban hành) và 16 Quy định, 19 Quy trình, 22 Hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và tiêu chuẩn ISO 45001: 2018 (do Giám đốc ban hành).

Nhìn chung, hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành đầy đủ, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành và các hoạt động của Công ty cũng đã tuân thủ theo các quy chế và quy định đã ban hành.

5. Công tác tài chính kế toán năm 2020:

5.1 Công tác ghi chép và lập báo cáo:

Công tác hoạch toán kế toán của Công ty cơ bản thực hiện theo đúng quy định hiện hành tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc “ Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp”. Hệ thống chứng từ kế toán được lập , ghi chép sổ sách và lưu trữ theo quy định hiện hành.

5.2 Công tác quyết toán và theo dõi công nợ phải thu, phải trả:

Trong năm 2020, công tác tài chính gặp nhiều khó khăn, với dòng tiền thu từ dự án, Công ty vừa phải cân đối để chi trả các chi phí thi công cho Dự án, vừa phải chi trả nợ cũ khách hàng từ các năm trước còn tồn đọng, đồng thời phải chi trả cho Bảo hiểm xã hội tỉnh nên bị

động về tài chính, dẫn đến việc chậm trễ chi trả cho nhà cung cấp làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thi công các dự án.

5.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật:

- Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT, TNCN hàng tháng đầy đủ. Tại thời điểm 31/12/2020 Công ty còn nợ thuế GTGT là: 15,42 tỷ đồng; thuế TNCN là: 228 triệu đồng; thuế khác là: 1,289 tỷ đồng.

5.4 Tình hình sử dụng vốn điều lệ đến 31/12/2020 :

Lợi nhuận cả năm 2020 lỗ 18,02 tỷ đồng làm tăng lỗ lũy kế Công ty đến thời điểm 31/12/2020 là -151,699 tỷ đồng, tương đương 75,84 % vốn điều lệ.

Công ty sử dụng vốn điều lệ đúng mục đích nhằm phục vụ hoạt động SXKD của Công ty, không sử dụng vào các hoạt động đầu tư khác.

5.5. Quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và xác định giá vốn hàng bán:

DVT: đồng

| Loại chi phí | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV | Tổng cộng |
|---------------------|---------------|---------------|----------------|----------------|------------------|
| Giá vốn hàng bán | 287,658,193 | 8,433,444,070 | 30,046,159,083 | 34,153,171,536 | 72,920,432,882 |
| Chi phí tài chính | 1,269,658,936 | 1,006,930,076 | 1,436,441,056 | 1,570,859,443 | 5,283,889,511 |
| Chi phí quản lý | 2,996,899,086 | 3,678,117,393 | 1,020,058,118 | 3,974,547,237 | 11,669,621,834 |
| Chi phí khác | 158,292,992 | 2,635,673,463 | 186,365,720 | -1,227,465,291 | 1,752,866,884 |

- Giá vốn hàng bán năm 2020 giảm 26,54% so với cùng kỳ 2019, do giá vốn từ hoạt động xây lắp chỉ giảm 22,5% so với cùng kỳ 2019, còn Dự phòng giảm giá hàng tồn kho giảm 89,73% so với năm 2019.

- Chi phí tài chính năm 2020 tăng nhẹ 2,56% so với cùng kỳ năm ngoái. Chi phí tài chính toàn bộ là lãi vay ngân hàng, chiếm tỷ trọng 100%.

- Chi phí quản lý năm 2020 giảm 51,49 % so với năm 2019, trong đó chủ yếu do giảm chi phí nhân công 37% so với năm 2019 và giảm chi phí khấu hao tài sản cố định 57,86% so với cùng kỳ 2019. Chi phí nhân công sụt giảm do số lượng lao động sụt giảm mạnh từ 312 người năm 2019 xuống còn 219 người năm 2020.

6. Nhận xét, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong điều kiện hết sức khó khăn Công ty đã cố gắng duy trì SXKD sản lượng 83,91 tỷ đồng, doanh thu 73,61 tỷ đồng, lợi nhuận âm 18,02 tỷ đồng. Riêng chỉ tiêu sản lượng đạt kế hoạch còn lại chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều không hoàn thành kế hoạch. Nguyên nhân một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 không đạt do công tác xây dựng kế hoạch chưa sát với thực tế, chưa lường hết các khó khăn khách quan.

Công tác thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn số dư công nợ phải thu cao (233,723 tỷ đồng) dẫn đến việc thanh toán các khoản công nợ cũ và các khoản công nợ đến hạn gặp khó khăn .

a. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2020 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

a.1 Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2020:

ĐVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Ngày 31/12/2019 | Ngày 31/12/2020 | Năm 2020 so với 2019 (%) | Tỷ trọng (%) (năm 2020) |
|-----------|----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| I | TỔNG TÀI SẢN | 340,554,527,783 | 350,671,770,662 | 102.97% | 100% |
| A | Tài sản ngắn hạn | 288,777,533,163 | 305,902,754,310 | 105.93% | 87.23% |
| 1 | Tiền | 2,940,758,790 | 2,438,028,707 | 82.90% | 0.70% |
| 2 | Các khoản phải thu | 225,167,990,754 | 233,723,789,689 | 103.80% | 66.65% |
| 3 | Hàng tồn kho | 60,337,825,406 | 66,135,449,094 | 109.61% | 18.86% |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 330,958,213 | 3,605,486,820 | 1089.41% | 1.03% |
| B | Tài sản dài hạn | 51,776,994,620 | 44,769,016,352 | 86.47% | 12.77% |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 152,308,300 | 56,850,300 | 37.33% | 0.02% |
| 2 | Tài sản cố định | 51,515,729,477 | 44,704,741,820 | 86.78% | 12.75% |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 108,956,843 | 7,424,232 | 6.81% | 0.00% |
| II | TỔNG NGUỒN VỐN | 340,554,527,783 | 350,671,770,662 | 102.97% | 100% |
| A | Nợ phải trả | 259,102,530,971 | 287,236,338,221 | 110.86% | 81.91% |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 256,922,230,680 | 286,293,738,221 | 111.43% | 81.64% |
| 2 | Nợ dài hạn | 2,180,300,291 | 942,600,000 | 43.23% | 0.27% |
| B | Vốn chủ sở hữu | 81,451,996,812 | 63,435,432,441 | 77.88% | 18.09% |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 200,000,000,000 | 200,000,000,000 | 100.00% | 57.03% |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 150,826,415 | 150,826,415 | 100.00% | 0.04% |
| 3 | Các quỹ | 14,984,594,051 | 14,984,594,051 | 100.00% | 4.27% |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối | (133,683,423,654) | (151,699,988,025) | 113.48% | -43.26% |

a.2 Một số chỉ tiêu về lưu chuyển tiền tệ

ĐVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2020 so với 2019 (%) |
|-----|---|-----------------|-----------------|-----------------------------|
| 1 | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | 125,443,540 | (5,877,750,705) | -4685.57% |
| 2 | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | 719,880,819 | 2,745,068,266 | 381.32% |
| 3 | Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính | (2,028,940,078) | 2,629,952,356 | -129.62% |
| 4 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | (1,183,615,719) | (502,730,083) | 42.47% |
| 5 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 4,124,374,509 | 2,940,758,790 | 71.30% |
| 6 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 2,940,758,790 | 2,438,028,707 | 82.90% |

a.3 Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

ĐVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2020 so với 2019 (%) |
|-----|--|-----------------|----------------|-----------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 105,758,612,630 | 72,077,142,447 | 68.15% |

| | | | | |
|----|---|------------------|------------------|---------|
| 2 | Giá vốn hàng bán | 99,266,869,854 | 72,920,432,882 | 73.46% |
| 3 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6,491,742,776 | (843,290,435) | -12.99% |
| 4 | Doanh thu hoạt động tài chính | 230,656,728 | 55,849,048 | 24.21% |
| 5 | Chi phí tài chính | 5,151,777,152 | 5,283,889,511 | 102.56% |
| | - Trong đó : Lãi vay phải trả | 5,151,777,152 | 5,283,889,511 | 102.56% |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 24,056,975,020 | 11,669,621,834 | 48.51% |
| 7 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | (22,486,352,668) | (17,740,952,732) | 78.90% |
| 8 | Thu nhập khác | 2,689,285,902 | 1,477,255,245 | 54.93% |
| 9 | Chi phí khác | 2,010,543,999 | 1,752,866,884 | 87.18% |
| 10 | Lợi nhuận khác | 678,741,903 | (275,611,639) | -40.61% |
| 11 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (21,807,610,765) | (18,016,564,371) | 82.62% |
| 12 | Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành | | | |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (21,807,610,765) | (18,016,564,371) | 82.62% |
| 14 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | (1.090) | (901) | |

a.4 Nhận xét. đánh giá:

- Báo cáo tài chính do Công ty lập và được Công ty TNHH PKF VIETNAM kiểm toán đã phản ánh đầy đủ, trung thực, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2020 và tình hình tài chính của DOBC tại ngày 31/12/2020 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán.

- Ban kiểm soát đồng thuận với các ý kiến ngoại trừ và nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán năm 2020.

+ Như được trình bày tại thuyết minh số 5.8 và 5.10 của bản thuyết minh báo cáo tài chính, nguyên giá tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 lần lượt bao gồm giá trị tài sản trên đất thuê với số tiền là 2.829.477.273 đồng và giá trị quyền sử dụng đất thuê và giá trị sử dụng dịch vụ trên đất thuê với số tiền là 9.395.704.545 đồng của các lô đất tại số 35D và 35G đường 30/4, phường 9, TP Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa –Vũng tàu nhận chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hạn. Việc chuyển nhượng như trên là chưa phù hợp với quy định hiện hành có liên quan. Do đó làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 gồm: làm tăng các chỉ tiêu “Nguyên giá tài sản cố định hữu hình” và “Nguyên giá tài sản cố định vô hình” số tiền tương ứng là 2.829.447.273 VND và 9.395.704.545 VND; làm tăng chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế” của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình số tiền tương ứng là 1.131.790.896 VND và 4.198.981.824 VND; làm giảm chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” số tiền là 6.894.379.098 VND.

+ Trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 Công ty có những khoản nợ phải trả ngắn hạn đã quá hạn thanh toán với giá trị là 112.116.461.031 VND. Đồng thời, Công ty có khoản lỗ lũy kế đáng kể là 151.699.988.025 VND, chiếm 76% Vốn góp của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2019 là 133.683.423.654 VND, chiếm 67% vốn góp của chủ sở hữu), trong đó khoản lỗ phát sinh trong năm là 18.016.564.371 VND.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

II. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc:

Ban Giám đốc đã tổ chức hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty, phù hợp với Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

Ban giám đốc đã chủ động báo cáo, đề xuất, xin ý kiến HĐQT thông qua chủ trương các vấn đề, nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT trong việc quản lý SXKD, đầu tư xây dựng, vay vốn, công tác cán bộ..., đặc biệt là các vấn đề mua sắm, ký kết hợp đồng tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Tùy theo tình hình sản xuất từng thời điểm, Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cho Phó giám đốc để điều hành và quản lý khi giám đốc đi vắng, có sự ủy quyền cho người thay thế điều hành Công ty.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

HĐQT trong năm 2020 đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp hiện hành và thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Năm 2020 Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 cuộc họp:

| STT | Số Biên bản | Ngày họp | Nội dung |
|-----|-------------|-------------|--|
| 1 | 01/BB-HĐQT | 10/01/2020 | Chi hỗ trợ cho CBCNV nhân dịp tết Nguyên đán Canh 2020. |
| 2 | 02/BB-HĐQT | 04/02/2020 | Công tác cán bộ (Ông Nguyễn Tri Hòa- thôi giữ chức Phó giám đốc) |
| 3 | 03/BB-HĐQT | 03/03/20120 | Thanh lý 2 xe ô tô |
| 4 | 04/BB-HĐQT | 09/06/2020 | Về việc công tác bộ, người đại diện theo pháp luật |
| 5 | 05/BB-HĐQT | 09/06/2020 | Về việc công tác cán bộ Ông Hồ Nguyễn Quốc Nam thôi giữ chức Trưởng Phòng TC-HC |
| 6 | 06/BB-HĐQT | 18/06/2020 | Họp HĐQT phiên họp đầu tiên để bầu Chủ tịch HĐQT |
| 7 | 07/BB- HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi Người đại diện Pháp luật theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết số 33/19/HĐHM -9232 ngày 30/5/2019 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 8 | 08/BB- HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi Người đại diện Pháp luật Công ty theo Hợp đồng tín dụng đã ký số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/1/2020 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 9 | 09/BB-HĐQT | 29/06/2020 | Kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; Kiện toàn Hội đồng xét lương, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng thi đua khen thưởng; Công tác cán bộ |
| 10 | 10/BB-HĐQT | 28/09/2020 | Đánh giá kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm; thành lập Hội đồng kỷ luật |
| 11 | 11/BB-HĐQT | 05/11/2020 | Công tác cán bộ, Người đại diện theo Pháp luật |

| STT | Số Biên bản | Ngày họp | Nội dung |
|-----|-------------|------------|---|
| 12 | 12/BB-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/1/2020 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 13 | 13/BB-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng 33/19/HĐHM -9232 ngày 30/5/2019 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |

HĐQT đã ban hành 30 Nghị quyết, 32 quyết định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

| ST T | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----------------------|------------------------------|------------|--|
| I - NGHỊ QUYẾT | | | |
| 1 | 02/NQ-HĐQT | 10/1/2020 | Giới thiệu bổ nhiệm Thành viên HĐQT DOBC |
| 2 | 03/NQ-HĐQT | 04/2/2020 | Thông qua biên bản họp về việc công tác cán bộ (Ô. Nguyễn Tri Hòa thôi làm PGĐ Công ty) |
| 3 | 04/NQ-HĐQT | 20/2/2020 | Thông qua KH SXKD năm 2020 và kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 |
| 4 | 05/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Chấp thuận bán thanh lý 02 xe ô tô 07 chỗ ngồi, hiệu TOYOTA LANDCRUISER PRADO đã qua sử dụng |
| 5 | 06/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Phê duyệt huy động vốn tín dụng ngắn hạn cá nhân tại VN bổ sung vốn lưu động thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty |
| 6 | 07/NQ-HĐQT | 15/4/2020 | Phê duyệt phương án sử dụng nguồn tiền thu từ việc thanh lý 02 xe ô tô Toyota Prado đã qua sử dụng |
| 7 | 08/NQ-HĐQT | 15/4/2020 | Ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Công ty DOBC” |
| 8 | 09/NQ-HĐQT | 28/4/2020 | Thông qua thực hiện chi phí quản lý năm 2019 và kế hoạch chi phí quản lý năm 2020 |
| 9 | 10/NQ-HĐQT | 12/5/2020 | Phê duyệt bán thanh lý Máy nén khí đã qua sử dụng |
| 10 | 11/NQ-HĐQT | 09/6/2020 | Thông qua biên bản họp v/v công tác cán bộ (Ô. Trần Quang Ngọc thôi kiêm quyền GD, Ô. Nguyễn Đức Đạt làm GD DOBC kể từ ngày 09/6/2020) |
| 11 | 12/NQ-HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty theo HĐ Hạn mức tín dụng số 33/19/HĐHM-9232 ngày 30/5/2019 |
| 12 | 13/NQ-HĐQT | 18/06/2020 | Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty theo HĐ Hạn mức tín dụng số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/01/2020 |
| 13 | 14/NQ-HĐQT | 29/6/2020 | Đánh giá việc thực hiện KH SXKD cả năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 |
| 14 | 15/NQ-HĐQT | 29/6/2020 | Phê duyệt chủ trương thanh lý Hợp đồng 145/PVC-PT-PETROLAND ngày 21/12/2010 giữa DOBC và Petroland |
| 15 | 16/NQ-HĐQT | 7/7/2020 | Chấp thuận công tác cán bộ tại CN- Xí nghiệp 3 (Ông Trần Ngọc Tú thôi giữ chức KTT CN-XN3) |
| 16 | 17/NQ-HĐQT | 13/7/2020 | Phê duyệt Phương án vay vốn từ Tổng Công ty PVC |
| 17 | 18/NQ-HĐQT | 10/8/2020 | Chấp thuận công tác cán bộ (Ông Phạm Cao Cường giữ chức PP KT – KT) |
| 18 | 19/NQ-HĐQT | 21/8/2020 | Chấp thuận công tác cán bộ tại CN- Xí nghiệp 2 |
| 19 | 20/NQ-HĐQT | 26/8/2020 | Chấp thuận thanh lý trang thiết bị sau kiểm kê tháng 6/2020 |
| 20 | 21/NQ-HĐQT | 28/9/2020 | Thông qua biên bản họp v/v: Đánh giá kế hoạch |

| ST T | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|------------------------|------------------------------|------------|---|
| | | | SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm; thành lập HĐ kỷ luật |
| 21 | 22/NQ-HĐQT | 12/10/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2020 |
| 22 | 23/NQ-HĐQT | 16/10/2020 | Giới thiệu đề bầu TV HĐQT |
| 23 | 24/NQ-HĐQT | 29/10/2020 | Công tác cán bộ (Phó phòng TC-HC) |
| 24 | 25/NQ-HĐQT | 06/11/2020 | Công tác cán bộ |
| 25 | 26/NQ-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng số 07/20/HĐHM-9232 ngày 15/1/2020 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 26 | 27/NQ-HĐQT | 13/11/2020 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật Hợp đồng tín dụng 33/19/HĐHM -9232 ngày 30/5/2019 và các phụ lục sửa đổi bổ sung tại Ngân Hàng TMCP Quốc dân (NCB) |
| 27 | 28/NQ-HĐQT | 17/11/2020 | Công tác cán bộ (tại CN-XN1) |
| 28 | 29/NQ-HĐQT | 10/12/2020 | Công tác cán bộ (tại CN-XN3) |
| 29 | 30/NQ-HĐQT | 21/12/2020 | Công tác cán bộ (tại CN-XN3) |
| 30 | 31/NQ-HĐQT | 24/12/2020 | Phê duyệt giá cho thuê mặt bằng tại số 01 Phạm Văn Nghị - Phường Thắng Nhất- Tp. Vũng Tàu |
| II- QUYẾT ĐỊNH: | | | |
| 1 | 01/QĐ-HĐQT | 03/01/2020 | Phê duyệt kế hoạch thực hiện và chi phí thực hiện HĐ số 311019/LILAMA-DOBC ngày 31/10/2019 v/v: Lắp đặt đường ống 26' và trạm tiếp bờ thuộc Dự án: Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh |
| 2 | 05/QĐ-HĐQT | 22/01/2020 | Cử Ông Vũ Chí Cường – TV HĐQT đi công tác Thái Bình |
| 3 | 06/QĐ-HĐQT | 04/02/2020 | Thôi giữ chức Phó giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Tri Hòa |
| 4 | 08/QĐ-HĐQT | 21/02/2020 | Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 DOBC |
| 5 | 10/QĐ-HĐQT | 04/03/2020 | Phê duyệt kế hoạch thực hiện và chi phí thực hiện HĐ số 29-2020/BSR-DOBC-DMC.M ngày 08/01/2020 |
| 6 | 11/QĐ-HĐQT | 17/03/2020 | Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng Công ty DOBC |
| 7 | 13/QĐ-HĐQT | 12/05/2020 | Cử Ông Trần Mạnh Dũng – TV HĐQT đi công tác Thái Bình |
| 8 | 14/QĐ-HĐQT | 02/06/2020 | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thực hiện và chi phí thực hiện HĐ số 311019/LILAMA-DOBC ngày 31/10/2019 |
| 9 | 15/QĐ-HĐQT | 09/06/2020 | Thôi kiêm quyền Giám đốc Công ty đối với Ông Trần Quang Ngọc |
| 10 | 16/QĐ-HĐQT | 09/06/2020 | Bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Đức Đạt |
| 11 | 17/QĐ-HĐQT | 09/06/2020 | Thôi giữ chức Trưởng phòng TCHC Công ty |
| 12 | 19/QĐ-HĐQT | 10/06/2020 | Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020 DOBC |
| 13 | 20/QĐ-HĐQT | 10/06/2020 | Quy chế bầu cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025 |
| 14 | 21/QĐ-HĐQT | 17/06/2020 | Cử Ông Trần Mạnh Dũng – Cố vấn HĐQT đi công tác Hà Nội |
| 15 | 22/QĐ-HĐQT | 17/06/2020 | Bổ nhiệm Cố vấn HĐQT Công ty |

| ST T | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|------|------------------------------|------------|--|
| 16 | 23/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Phân công nhiệm vụ cho các TV HĐQT |
| 17 | 24/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Kiện toàn Hội đồng tuyển dụng |
| 18 | 25/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Kiện toàn Hội đồng xét lương |
| 19 | 26/QĐ-HĐQT | 29/06/2020 | Kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng |
| 20 | 27/QĐ-HĐQT | 02/07/2020 | Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán soát xét Báo cáo giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 |
| 21 | 28/QĐ-HĐQT | 9/7/202 | Bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty (ông Trần Vũ Phụng) |
| 22 | 30/QĐ-HĐQT | 26/8/2020 | Phê duyệt kế hoạch triển khai và dự kiến chi phí thực hiện HĐ 189/TK-QLKT/PVCMSS gói thầu A2 Dự án “ Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam” |
| 23 | 31/QĐ-HĐQT | 29/9/2020 | Thành lập Hội đồng kỷ luật |
| 24 | 32/QĐ-HĐQT | 29/9/2020 | Tạm dừng và thu hồi Quy chế trả lương, trả thưởng theo QĐ số 11/QĐ-HĐQT ngày 17/3/2020. |
| 25 | 33/QĐ-HĐQT | 29/10/2020 | Thôi giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty Ông Nguyễn Minh Ngọc |
| 26 | 34/QĐ-HĐQT | 06/11/2020 | Thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty Ông Nguyễn Đức Đạt |
| 27 | 35/QĐ-HĐQT | 06/11/2020 | Giao nhiệm vụ Người đại diện theo Pháp luật cho Ông Trần Vũ Phụng |
| 28 | 36/QĐ-HĐQT | 11/11/2020 | Kiện toàn nhân sự Ban triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty |
| 29 | 37/QĐ-HĐQT | 17/11/2020 | Kiện toàn hội đồng tuyển dụng |
| 30 | 38/QĐ-HĐQT | 17/11/2020 | Kiện toàn hội đồng xét lương |
| 31 | 39/QĐ-HĐQT | 17/11/2020 | Kiện toàn hội đồng xét lương |
| 32 | 40/QĐ-HĐQT | 31/12/2020 | Điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty |

- Qua kết quả kiểm soát, giám sát và kiểm toán độc lập Ban kiểm soát đánh giá HĐQT Công ty đã tuân thủ đúng theo Điều lệ, Quy chế, Quy định của Công ty.

IV. Đánh giá công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

Công ty không cơ cấu bộ phận chuyên trách làm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên việc kiểm tra giám sát hoạt động thi công được Công ty chú trọng .

Trong việc quản trị và cảnh báo sớm rủi ro của Công ty: Phòng Tài chính – Kế toán đã có đánh giá thường xuyên.

V. Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BGD. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình BKS đã được HĐQT và BGD tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do DOBC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; Giao dịch giữa Công ty với các Công ty mà Thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản

lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:
Không có

VII. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn:

1. Rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD cho các kỳ sau:

- Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty DOBC năm 2020, đã được HĐQT DOBC điều chỉnh tại Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020 thì giá trị sản lượng là 82 tỷ đồng, doanh thu là 74 tỷ và lợi nhuận là 0 đồng. Tuy nhiên, công việc ít, một số hạng mục tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 vẫn trong tình trạng chưa được triển khai thi công dẫn đến mặc dù chỉ tiêu như sản lượng, doanh thu đạt được mức gần như kế hoạch đưa ra, nhưng do giá vốn và các chi phí cao dẫn đến lợi nhuận năm 2020 âm 18,02 tỷ, không hoàn thành nhiệm vụ theo nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

2. Rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và dòng tiền:

- Công tác thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn dẫn đến số dư công nợ phải thu cao (233,723 tỷ đồng). Do đó, Công ty gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản công nợ cũ và các khoản công nợ đến hạn cho nhà cung cấp.

- Khả năng thanh toán lãi và nợ gốc vay Ngân hàng gặp khó khăn.

3. Cảnh báo sớm các rủi ro của Công ty:

- Năm 2021 giá dầu thế giới theo dự báo vẫn có nhiều biến động với chiều hướng sụt giảm, khó dự đoán làm ảnh hưởng xấu đến nguồn lực và các hoạt động đầu tư trong ngành dầu khí, bên cạnh đó ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19 nên các dự án dầu khí tiếp tục tạm dừng hoặc giãn tiến độ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp xây lắp dầu khí.

- Hiện nay, giá trị sản lượng, doanh thu của Công ty vẫn phụ thuộc vào các hợp đồng kinh tế của dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, trong khi đó, tại dự án này tồn đọng tiền thanh toán khối lượng quá nhiều, khối lượng dở dang còn lớn, công tác nghiệm thu thanh toán gặp rất nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động SXKD, ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời gian tới, nếu không giải quyết được những khó khăn vướng mắc như hiện nay, đòi hỏi phải có giải pháp tái cơ cấu toàn diện Công ty.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Công ty:

1. Về công tác xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Công tác xây dựng kế hoạch: trên cơ sở các chỉ tiêu thực hiện năm 2020 và đánh giá khả năng thực hiện trong tương lai, Công ty cần xây dựng kế hoạch sản lượng doanh thu, chi phí, lợi nhuận, nhân sự, quỹ lương và các chỉ tiêu tài chính khác một cách khả thi cho năm 2021. Cần xem xét, đánh giá các yếu tố rủi ro để lập kế hoạch cho chỉ tiêu chi phí dự phòng trong kế hoạch chi phí hàng năm, xác định mức lãi gộp để lập kế hoạch Doanh thu, Sản lượng.

Đồng thời, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty cần quyết liệt, đôn đốc và bố trí nhân lực tập trung hoàn tất hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán các hạng mục đã hoàn thành thi công tại công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

- Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu, để tìm kiếm công ăn việc làm về cho Công ty.

2. Về công tác tài chính- kế toán:

- Tập trung thu hồi các khoản công nợ phải thu để có vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản gốc vay; khoản phải trả đến hạn; quá hạn cũng như để cải thiện khả năng thanh toán của Công ty. Đồng thời, tăng cường đôn đốc thu hồi, hoàn ứng sớm các khoản công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn thanh toán.

- Cân đối nguồn tiền để ưu tiên chi trả nợ Bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp thất nghiệp để bảo đảm quyền lợi của người lao động, chi nộp thuế GTGT đến hạn và quá hạn để hạn chế tối đa các vi phạm về pháp luật hành chính.

- Thực hiện đúng các nghiệp vụ kế toán và các chuẩn mực hiện hành.

3. Về công tác tổ chức, hành chính:

- Rà soát lao động toàn Công ty, tiếp tục cơ cấu lại bộ máy quản lý điều hành, bổ sung còn thiếu trong hội đồng quản trị, tiết giảm chi phí để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Bồi dưỡng, đào tạo lại lao động hiện có (bằng cách tự đào tạo hoặc đào tạo bên ngoài) nhằm nâng cao chất lượng lao động đa năng, có thể đảm nhận nhiều vị trí khác nhau đáp ứng yêu cầu điều chuyển nội bộ một cách linh hoạt.

4. Công tác xây dựng hệ thống các quy định quản lý nội bộ và công tác khác:

- HĐQT/Ban giám đốc cần chỉ đạo rà soát xây dựng, sửa đổi và ban hành một số quy chế, quy định nội bộ phù hợp với cơ cấu mô hình tổ chức mới của Công ty, cũng như tình hình hoạt động thực tế của Công ty để Ban kiểm soát thực thi chức năng nhiệm vụ của mình.

IX. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng Công ty PVC:

- Đề nghị lãnh đạo PVC hỗ trợ DOBC thu hồi công nợ dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, đây là khoản nợ có tỷ trọng lớn nhất, quyết định đến tình hình tài chính của Công ty.

- Giao thêm việc cho Công ty DOBC.

PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Năm 2021, theo dự kiến giá dầu vẫn có nhiều biến động và chưa có dấu hiệu hồi phục, đại dịch Corona hoành hành gây đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh trên toàn cầu dẫn đến nhiều dự án vẫn tiếp tục dừng và giãn tiến độ, hoạt động SXKD của Công ty sẽ còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là vốn để thanh toán cho các dự án đang thực hiện. Để hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ đề ra và để hoạt động SXKD có hiệu quả, phù hợp đúng quy định của pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát sẽ tập trung vào các công việc như sau:

- Thực hiện đúng quy chế hoạt động của BKS đã ban hành.

- Hàng quý, triệu tập các thành viên tổ chức kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của DOBC tại trụ sở chính. Giám sát, kiểm soát các hoạt động của DOBC tại các Chi nhánh- Xí nghiệp và các Ban điều hành dự án, Ban chỉ huy công trường.

- Chương trình làm việc cụ thể như sau:

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Người thực hiện |
|-----|---|------------------------------------|--|
| 1 | Kiểm soát hoạt động quý 4/2020; Thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;Thẩm định các báo cáo của HĐQT, Ban giám đốc trình ĐHĐCĐ. | Từ ngày 26-30/3/2021 | Ban kiểm soát |
| 2 | Kiểm soát hoạt động Quý 1/2021 | Từ ngày 16-20/4/2021 | Ban kiểm soát |
| 3 | Kiểm soát hoạt động 6 tháng đầu năm 2021 tại các Chi nhánh- Xí nghiệp trực thuộc | Từ ngày 25/6 - 30/6/2021 | Ban kiểm soát |
| 4 | Kiểm soát hoạt động Quý 2/2021; Kiểm tra theo chuyên đề “Rà soát đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Công ty tại thời điểm 30/6/2021 ” | Từ ngày 09/-20/7/2021 | Ban kiểm soát |
| 5 | Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021 | Sau khi phát hành báo cáo soát xét | Ban kiểm soát |
| 6 | Kiểm tra theo chuyên đề “Rà soát, đánh giá công tác ký kết các hợp đồng kinh tế” | Từ ngày 17-28/9/2021 | Ban kiểm soát |
| 7 | Kiểm soát hoạt động Quý 3/2021 | Từ ngày 08-20/10/2021 | Ban kiểm soát và tổ công tác của Công ty |
| 8 | Kiểm soát hoạt động 6 tháng cuối năm 2021 tại các Chi nhánh- Xí nghiệp trực thuộc | Từ ngày 03-14/12/2021 | Ban kiểm soát và tổ công tác của Công ty |
| 9 | Kiểm tra theo dõi chuyên đề “Rà soát, đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ các khoản chi phí phát sinh” | Từ ngày 17-31/12/2021 | Ban kiểm soát |

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của HĐQT và Ban Giám đốc. Giám sát việc thực hiện, tuân thủ chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thẩm định Báo cáo kết quả SXKD của Công ty; Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2020.

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban giám đốc năm 2021.

- Cùng với HĐQT và Ban Giám đốc rà soát, điều chỉnh, ban hành các quy chế để phù hợp với mô hình tái cơ cấu và phù hợp với tình hình cụ thể trong công tác quản lý, điều hành.

- Tiếp tục giám sát việc thực hiện quy trình tái cơ cấu Công ty theo đề án đã được HĐQT Công ty ban hành. Kiểm tra giám sát công tác nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả tiền lương và thu nhập.

- Kiểm tra giám sát việc ký kết và quản lý thực hiện các hợp đồng kinh tế.

- Kiểm tra công tác sử dụng vốn đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích để bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Thống nhất kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch của Ban kiểm soát với HĐQT Công ty.

- Đề xuất ý kiến HĐQT, Ban giám đốc về công tác quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty trên cơ sở kết quả kiểm tra.

- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông, theo quy định của pháp luật.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và giao ban của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý điều hành có kiến nghị kịp thời cho HĐQT và Ban Giám đốc.

- Tham gia phối hợp với các đoàn kiểm tra kiểm soát của Tập đoàn, Tổng Công ty và các cơ quan nhà nước khi có yêu cầu.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021.

Trân trọng báo cáo !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PVC (để b/c);
- HĐQT, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đàm Quang Hưng

PHỤ LỤC
TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, cụ thể tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 là **161.474.832** đồng, đạt **78,38%** kế hoạch được duyệt.

ĐVT: VNĐ

| TT | Họ và tên | Chức danh | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Ghi chú |
|----|----------------------|------------|--------------------|--------------------|--|
| 1 | Ông Đàm Quang Hưng | Trưởng Ban | 206.011.000 | 161.474.832 | |
| 2 | Ông Nguyễn Mậu Thơ | TV BKS | | | Lương là CV P. TM-VT. không hưởng thù lao kiêm nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ |
| 3 | Bà Hoàng Phương Ngọc | TV BKS | | | Lương là CV P. TCHC. không hưởng thù lao kiêm nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ |
| | TỔNG CỘNG | | 206.011.000 | 161.474.832 | |

II. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2021

- Căn cứ số lượng thành viên của Ban kiểm soát theo Điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2021 của DOBC;

- Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cấp và ban ngành có liên quan;

- Do tình hình công việc trong năm 2021 sẽ còn gặp nhiều khó khăn, nên đề xuất việc chi trả thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát như sau:

1- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty; các văn bản hướng dẫn khác của PVC và hiệu quả hoạt động SXKD tại Công ty áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

2- Đối với thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: Không chi trả thù lao cho TV BKS kiêm nhiệm đã được hưởng lương của Công ty.

Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2021 là:

ĐVT: đồng

| TT | Họ và tên | Thù lao kiêm nhiệm | Thu nhập cả năm 2021 | Ghi chú |
|----|---|--------------------|----------------------|--|
| 1 | Ông Đàm Quang Hưng (Trưởng Ban) | | 163.223.000 | |
| 2 | Ông Nguyễn Mậu Thơ (Kiêm nhiệm TV BKS) | | | Lương là CV P. TM-VT. không hưởng thù lao kiêm nhiệm |
| 3 | Bà Hoàng Phương Ngọc (Kiêm nhiệm TV BKS) | | | Lương là CV P. TCHC. không hưởng thù lao kiêm nhiệm |
| | Tổng cộng | | 163.223.000 | |

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua quyết toán thù lao năm 2020 và phương án chi trả thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ lao động-thương binh và Xã hội về việc: Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2020 và phương án chi trả thù lao năm 2021 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

I. Thông qua quyết toán chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020:

Tổng chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm từ 01/01/2020 đến hết 31/12/2020 là: **673,859,785 đồng**, trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách (Hưởng lương/thù lao theo quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty) là: **574,159,785 đồng**.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là: **99.700.000 đồng**

- Thành viên HĐQT/Ban kiểm soát kiêm nhiệm là: **0 đồng** (Thực hiện NQ ĐHĐCĐ 2020 đã thông qua: Chi chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không được hưởng chế độ lương, thưởng của Công ty)

II. Phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên Ban kiểm soát theo điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Do tình hình công việc trong năm 2021 sẽ còn gặp nhiều khó khăn, nên HĐQT đề xuất việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

1- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát **chuyên trách** làm việc tại Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ lao động- thương binh và Xã hội.

2- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm:

- Giao HĐQT thỏa thuận với các TV HĐQT/TV BKS đã được hưởng lương của Công ty để không chi trả thù lao.

- Chi trả thù lao cho các TV HĐQT/TV BKS không hưởng lương của Công ty:

Thành viên HĐQT: **3 triệu** đồng/người/tháng

Thành viên Ban kiểm soát: **1 triệu** đồng/người /tháng

3- Đối với thành viên HĐQT độc lập làm việc theo chế độ không chuyên trách: **5.000.000** đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để Công ty làm cơ sở thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PVC (để b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

BẢNG QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2020

ĐVT : VNĐ

| TT | Họ và tên Người đại diện | Chức danh | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | So sánh so với kế hoạch | | Ghi chú |
|------------|-----------------------------|--|----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|--|
| | | | | | Số tiền | Tỷ lệ | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5-4 | 7=5/4*100 | 8 |
| I | Hội đồng quản trị | | | | | | |
| 1.1 | Chuyên trách | | | | | | |
| 1 | Vũ Minh Công | Chủ tịch HĐQT(Từ 16/6-T12) | 140.393.500 | 123.572.172 | (16.821.328) | 88,0% | |
| 2 | Trần Quang Ngọc | CT HĐQT kiêm Giám đốc (Từ T1-16/6/2020) | 140.393.500 | 105.229.131 | (35.164.369) | 75,0% | |
| 3 | Nguyễn Đức Đạt | Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc (Từ 16/6-T11) | 273.494.000 | 89.863.836 | (183.630.164) | 32,9% | |
| 4 | Trần Mạnh Dũng | Thành viên HĐQT (Từ T1-16/6/2020) | 253.526.000 | 94.019.814 | (159.506.186) | 37,1% | |
| 1.2 | Thù lao HĐQT độc lập | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Hương | TV HĐQT độc lập (Từ T1-T12) | 60.000.000 | 67.200.000 | 7.200.000 | 112,0% | |
| 2 | Phạm Cương | TV HĐQT độc lập (Từ 16/6-T12) | | 32.500.000 | 32.500.000 | | |
| 1.3 | Kiểm nhiệm | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Tri Hòa | Thành viên HĐQT kiêm PGĐ (T1-16/6/2020) | | | | | Hưởng lương Ban giám đốc. Không hưởng thù lao kiêm nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ |
| 2 | Nguyễn Minh Ngọc | Thành viên HĐQT kiêm PGĐ (16/6/2020 - T12) | | | | | Hưởng lương Ban giám đốc. Không hưởng thù lao kiêm nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ |
| | Tổng cộng (I) | | 867.807.000 | 512.384.953 | (355.422.047) | 59,0% | |
| II | Ban kiểm soát | | 206.011.000 | 161.474.832 | (44.536.168) | 78,4% | |
| 1 | Đàm Quang Hưng | Trưởng BKS (T1-T12) | 206.011.000 | 161.474.832 | (44.536.168) | 78,4% | Lương chuyên trách |
| 2 | Nguyễn Mậu Thơ | Thành viên BKS (T1 -T12) | | | | | Lương là CV P. TM-VT, không hưởng thù lao kiêm nhiệm |
| 3 | Hoàng Phương Ngọc | Thành viên BKS (T1 -T12) | | | | | " |
| | Tổng cộng (II) | | 206.011.000 | 161.474.832 | (44.536.168) | | |
| | TỔNG CỘNG (I+II) | | 1.073.818.000 | 673.859.785 | (399.958.215) | 62,8% | |

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm 2021
 Thủ trưởng đơn vị

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

| TT | Họ và tên Người đại diện | Chức danh | Hệ số lương | | Mức phụ cấp | | | | Qtleb (1.000đ) | Qtlhq (1.000đ) | Qpc (1.000đ) | Qtlbs (1.000đ) (1 tháng) | Qtlkh (1.000đ) | Ghi chú |
|------------|--------------------------|-------------------------------|--------------|-------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------------------|-------------------|---|
| | | | Lương cơ bản | Lương CD (T1-T12) | Hệ số phụ cấp cơ bản | Phụ cấp thu hút (%) | Phụ cấp kiêm nhiệm (1.000đ) | Thưởng an toàn (1000 đ) | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| I | Hội đồng quản trị | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Chuyên trách | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vũ Minh Công | Chủ tịch HĐQT | 6,97 | 15 | | | | | 117.096 | 97.538 | | | 214.634 | |
| 2 | Trần Vũ Phương | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 6,97 | 15 | | | | | 117.096 | 97.538 | | | 214.634 | |
| 3 | Mai Đình Bảo | Thành viên HĐQT kiêm PGĐ | 6,31 | 13,5 | | | | | 106.008 | 87.784 | | | 193.792 | |
| 1.2 | Kiểm nhiệm | | | | | | | | | | | | | |
| I | | Thành viên HĐQT kiêm PGĐ | | | | | | | | | | | | |
| II | Ban kiểm soát | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Trưởng BKS | 5,65 | 9,5 | | | | | 94.920 | 61.774 | | | 156.694 | |
| 2 | Nguyễn Mậu Thơ | Thành viên BKS | | | | | | | | | | | | Lương là CV Phòng, không hưởng thù lao kiêm nhiệm |
| 3 | Hoàng Phương Ngọc | Thành viên BKS | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | 435.120 | 344.633 | - | - | 779.753 | |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 /06/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 /11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Công ty đã xây dựng và sửa đổi lại:

- 1- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- 2- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;

Việc xây dựng, sửa đổi được thực hiện trên cơ sở các Quy chế mẫu đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, phù hợp theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và tình hình thực tế của Công ty.

(Đính kèm Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT)

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/TGD-PVC (để b/c);
- HĐQT; BKS; BGD (để biết);
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

Phụ lục

**BẢNG PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**

| STT | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|------------|---|--|---|
| I | Trong lĩnh vực điều hành hoạt động của Công ty | | |
| 1 | Thông qua định hướng phát triển của Công ty | Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty (HĐQT phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đầu tư; đơn giá tiền lương; Việc cho thuê, nhượng bán thanh lý tài sản (thuộc phân cấp đầu tư của HĐQT) | Chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch SXKD kinh doanh thuộc thẩm quyền của Giám đốc và trình HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch SXKD đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. |
| 2 | | Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. | Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. |
| 3 | | Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về phương án SXKD hoặc đầu tư của Công ty | Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty |
| II | Trong lĩnh vực phát hành /mua /bán lại cổ phần/trái phiếu | | |
| 1 | Quyết định loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần. | Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại | |
| 2 | Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại | Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác | |
| 3 | | Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền | |
| 4 | | Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty | |
| 5 | | Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp | |
| III | Trong lĩnh vực huy động vốn | | |
| 1 | | Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty | |

| STT | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|-----------|--|--|--|
| 2 | | Phê chuẩn việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ | |
| 3 | | Phê duyệt vay vốn ngân hàng/hoặc các tổ chức tài chính / hoặc các cá nhân để phục vụ hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty | Đề xuất vay vốn ngân hàng/hoặc các tổ chức tài chính / hoặc các cá nhân để phục vụ hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty |
| IV | Trong vấn đề chi trả cổ tức | | |
| 1 | Quyết định mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại | Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. | Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh. |
| V | Trong lĩnh vực đầu tư | | |
| 1 | Quyết định giao dịch đầu tư /bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán | Quyết định giao dịch đầu tư /bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán | Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản sau khi có chủ trương hoặc có ủy quyền của HĐQT |
| 2 | | Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm. | |
| 3 | | Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. | Đề xuất và trình phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. |
| 4 | | Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác | |
| 5 | | Quyết định về việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. | Đề xuất và trình việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. |
| VI | Trong lĩnh vực ký kết hợp đồng | | |
| 1 | Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị \geq 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất | Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị \leq 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (CBTT QĐ của HĐQT). <i>Thành viên HĐQT có lợi ích</i> | Giám đốc phải thông báo HĐQT và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời <u>kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu</u> của giao dịch để HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua. |

| STT | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|------------|---|---|--|
| | (CBTT QĐ của ĐHĐCĐ). | <i>liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết</i> | |
| 2 | Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị > 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và <u>cổ đông sở hữu từ 51% tổng số</u> cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. | Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị ≤ 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và <u>cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần</u> có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. <i>(Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết)</i> | Giám đốc phải thông báo cho HĐQT và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của Hợp đồng để HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua |
| 2 | Hợp đồng <u>đầu tư/ bán</u> tài sản có giá trị ≥ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán | Hợp đồng <u>đầu tư/ bán</u> tài sản có giá trị ≤ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán | Giám đốc trình HĐQT/ĐHĐCĐ <u>Dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu</u> của giao dịch để HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua |
| 3 | | Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị ≥ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty | Ngoài các Hợp đồng thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT nêu trên và ở cột bên, Giám đốc được quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị ≤ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty |
| VII | Trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự | | |
| 1 | Quyết định: - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý | Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty. | |
| 2 | | Quyết định cơ cấu tổ chức, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện | Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty |
| 3 | Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. | Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; | |
| 4 | | Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý | Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội |

| STT | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|-----|---|--|---|
| | | <p>khác do Điều lệ Công ty Quy định;</p> <p>Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</p> | <p>đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> |
| 5 | | <p>Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng/Phó các Phòng, ban và đơn vị trực thuộc.</p> | <p>Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh là cấp Trưởng/phó các Phòng, ban và đơn vị trực thuộc sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.</p> |
| 6 | <p>Thông qua quyết định: Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> | <p>Đề xuất mức thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ</p> | |
| 7 | | <p>Quyết định mức lương của Giám đốc và người điều hành Công ty. (Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty)</p> | <p>Kiến nghị thù lao, tiền lương, lợi ích khác đối với người điều hành Công ty để HĐQT quyết định.</p> |
| 8 | | <p>Vào Quý IV hàng năm, phê duyệt định biên lao động và số lượng người cần tuyển dụng và quỹ lương của người lao động trong năm kế tiếp</p> | <p>- Vào Quý IV hàng năm, trình HĐQT định biên lao động và số lượng người cần tuyển dụng và quỹ lương của người lao động trong năm kế tiếp. - Từ đó thực hiện tuyển dụng / tinh giảm nhân sự theo kế hoạch - Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.</p> |
| 9 | <p>Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông</p> | | |

| STT | Đại hội đồng cổ đông | Hội đồng quản trị | Giám đốc |
|-------------|--|--|--|
| VIII | Trong lĩnh vực phê duyệt quy chế nội bộ của Công ty | | |
| 1 | Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát | Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty | |
| 2 | | Phê duyệt quy chế quản lý nội bộ của công ty. | Kiến nghị /đề xuất trình quy chế quản lý nội bộ của công ty. |
| IX | Một số trách nhiệm khác tại Đại hội Đồng cổ đông | | |
| 1 | <p>* Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; - Báo cáo của HĐQT; - Báo cáo của Ban Kiểm soát; - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ ; - Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập. | <p>* Duyệt: chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp</p> <p>* Trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo quyết toán tài chính hằng năm - Báo cáo của HĐQT về hoạt động của mình (<i>Trong đó có việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người điều hành trong năm tài chính</i>) - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ - Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập - Báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc | <p>* Soạn thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Soạn thảo các Tờ trình đề HĐQT trình ĐHĐCĐ - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn <p>* Trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban giám đốc |

Ghi chú : Đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.

TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DK VIỆT NAM
CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ
(đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày...../.../2021)

Vũng Tàu ngày ... tháng năm 2021

MỤC LỤC



| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG | 3 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 3 |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ | 3 |
| CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... | 4 |
| Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 4 |
| Điều 4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | 5 |
| Điều 5. Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông..... | 5 |
| Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHCĐ:..... | 6 |
| Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: | 7 |
| Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông: | 8 |
| Điều 9. Cách thức bỏ phiếu: | 8 |
| Điều 10. Cách thức kiểm phiếu | 9 |
| Điều 11. Điều kiện để nghị quyết thông qua | 10 |
| Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu..... | 10 |
| Điều 13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... | 11 |
| Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 11 |
| Điều 15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | 12 |
| Điều 16. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 12 |
| Điều 17. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến..... | 14 |
| Điều 18. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến | 15 |
| CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 16 |
| Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 16 |
| Điều 20. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên HĐQT: | 17 |
| Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:..... | 17 |
| Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:..... | 17 |
| Điều 23. Cách thức bầu và bổ sung thành viên HĐQT: | 18 |
| Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:..... | 19 |
| Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:..... | 19 |
| Điều 26. Cách thức ứng cử /đề cử /giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT:..... | 19 |
| Điều 27. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị | 20 |
| Điều 28. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị..... | 20 |
| Điều 29. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT: | 20 |
| CHƯƠNG IV: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT..... | 23 |
| Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT: | 23 |
| CHƯƠNG V: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ | |

| | |
|---|-----------|
| CÔNG TY | 24 |
| Điều 31. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty..... | 24 |
| Điều 32. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty | 24 |
| Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: | 24 |
| CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT..... | 25 |
| Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:..... | 25 |
| Điều 35. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:..... | 26 |
| Điều 36. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát :..... | 26 |
| Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên: | 26 |
| Điều 38. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:. | 26 |
| Điều 39. Cách thức bầu Kiểm soát viên | 27 |
| Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên: | 27 |
| Điều 41. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:..... | 27 |
| CHƯƠNG VII: GIÁM ĐỐC..... | 27 |
| Điều 42. Trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ và nhiệm kỳ của Giám đốc | 27 |
| Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Giám đốc | 28 |
| Điều 44. Ký hợp đồng lao động với Giám đốc Công ty:..... | 28 |
| Điều 45. Tiền lương và các lợi ích khác của Giám đốc..... | 28 |
| Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Giám đốc Công ty..... | 28 |
| Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty..... | 29 |
| CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC | 29 |
| Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc:..... | 29 |
| Điều 49. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT:..... | 29 |
| Điều 50. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: | 29 |
| Điều 51. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc | 30 |
| Điều 52. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát: | 30 |
| Điều 53. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc | 30 |
| CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI TV HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH | 32 |
| Điều 54. Đánh giá hoạt động hàng năm đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành Công ty | 32 |
| Điều 55. Khen thưởng | 33 |
| Điều 56. Xử lý vi phạm và kỷ luật..... | 33 |
| CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 33 |
| Điều 57. Hiệu lực thi hành..... | 33 |

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCD ngày / /2021)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;
- “**Tổng công ty**” là Công ty mẹ: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;

- **Người điều hành doanh nghiệp/ Công ty** là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

- “**Người nội bộ**” được quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

- “**Người có liên quan**” được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- “**Cổ đông lớn**” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán: Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.

- “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

Điều 4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không **quá 06 tháng** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 5. Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau:

5.1 Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thẩm quyền triệu tập ĐHCĐ theo khoản 2 và 3 Điều 14 Điều lệ Công ty

5.2 Lập danh sách và thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp:

Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là người chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc triệu tập, chủ trì, điều khiển cuộc họp trừ trường hợp ủy quyền cho người khác. Người triệu tập họp phải thực hiện các công việc sau đây:

5.2.1 Kế hoạch tổ chức Đại hội: HĐQT tổ chức họp dự kiến kế hoạch tổ chức Đại hội: Thời gian, địa điểm, ngày đăng ký cuối cùng... Đồng thời công bố thông tin về kế hoạch tổ chức Đại hội theo đúng quy định.

5.2.2 Chốt danh sách cổ đông: Sau khi có kế hoạch tổ chức Đại hội, Công ty gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ cho Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) đề nghị chốt danh sách cổ đông chậm nhất **10 ngày làm việc** trước ngày đăng ký. Công ty phải **công bố thông tin** về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông **tối thiểu 20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng.

5.2.3 Lập danh sách cổ đông: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký thực

hiện quyền của VSD gửi. Danh sách cổ đông này được lập không quá **10 (mười) ngày** trước ngày **gửi thông báo mời họp** Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định một thời hạn ngắn hơn.

5.2.4 Chuẩn bị tài liệu: Người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Các công việc khác phục vụ đại hội.

5.2.5 Gửi thông báo mời họp: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp (kèm Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội) đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **hai mươi một (21) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông **bằng phương thức bảo đảm**, đồng thời công bố trên **trang thông tin điện tử** của Công ty và **Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán**. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

5.2.6 Kiến nghị về Chương trình họp: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba **(03)** ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5.2.7 Từ chối các kiến nghị: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại **khoản 5.2.6** Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản **5.2.6** Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ **đủ từ 5%** cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo CMND/Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (Đối với đại diện cổ đông) để đăng ký với Ban thẩm tra tư cách cổ đông và được nhận 01 Thẻ biểu quyết. **Việc uỷ quyền** cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội, ngay sau khi hoàn tất khâu đăng ký, kiểm tra tư cách họp lệ được Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp cho 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu lấy ý kiến biểu quyết (nếu có), hoặc 01 Phiếu bầu cử TV HĐQT/Ban kiểm soát (nếu HĐQT /BKS kết thúc nhiệm kỳ) có đóng dấu treo của Công ty.

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua bằng việc biểu quyết tại Đại hội. Việc biểu quyết được thực hiện theo 2 hình thức: Biểu quyết bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết** (trong trường hợp biểu quyết công khai) hoặc biểu quyết bằng cách bỏ phiếu **Phiếu lấy ý kiến biểu quyết** (trong trường hợp biểu quyết kín).

9.1 Thẻ biểu quyết bao gồm các thông tin:

- Mã số cổ đông
- Họ và tên của cổ đông/ họ và tên đại diện được ủy quyền
- Số cổ phần sở hữu và /hoặc đại diện.

9.2 Phiếu lấy ý kiến biểu quyết gồm các thông tin:

- Mã số cổ đông
- Tên cổ đông/đại diện được ủy quyền
- Số cổ phần sở hữu/được ủy quyền
- Các nội dung biểu quyết
- Tình trạng biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến.

9.3 Biểu quyết công khai bằng cách giơ Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến một vấn đề được trình bày tại Đại hội, bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao, mặt trước hướng về Đoàn chủ tịch, khi được Chủ tọa lần lượt hỏi về tình trạng biểu quyết (Đồng ý, Không đồng ý và Không có ý kiến).

- Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- Số thẻ Đồng ý nghị quyết được thu trước, số thẻ Không đồng ý nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu Đồng ý hay Không đồng ý để quyết định.

9.4 Biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến biểu quyết:

- Cổ đông/Người đại diện ủy quyền biểu quyết đánh dấu (V hoặc X) vào **một trong 03 ô** cần biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến;

- Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn 1 tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến biểu quyết hợp lệ phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phiếu do Công ty phát hành và có đóng dấu treo của Công ty;
- Phiếu có chữ ký của Cổ đông/Đại diện ủy quyền hợp lệ;
- Phiếu không được tẩy xóa, cạo sửa nội dung biểu quyết;
- Phiếu không được ghi bằng bút chì;
- Phiếu không ghi thêm nội dung ngoài các nội dung biểu quyết do ĐHĐCĐ đưa ra

- Phiếu được phát ra nhưng không gửi về cho Ban kiểm phiếu được xem là Phiếu trắng. Phiếu trắng được xem là phiếu chọn tình trạng “Không có ý kiến” đối với các nội dung biểu quyết.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

1. Đối với hình thức biểu quyết công khai thông qua Thẻ biểu quyết

Sau khi Chủ tọa hỏi ý kiến của Đại hội về từng nội dung biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ đếm, ghi nhận và tổng hợp tình trạng biểu quyết (Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến) và tỷ lệ biểu quyết theo từng tình trạng so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu.

2. Đối với hình thức biểu quyết kín thông qua Phiếu lấy ý kiến biểu quyết

- Sau khi cổ đông hoàn tất việc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu thu thập Phiếu lấy ý kiến biểu quyết từ thùng phiếu, kiểm tra tính hợp lệ và thực hiện việc kiểm phiếu.

- Kết quả biểu quyết sẽ được xác định cho từng nội dung biểu quyết .

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm ghi nhận, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết được ghi thành Biên bản kiểm phiếu, các thành viên Ban kiểm phiếu ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

- Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm:

+ Tổng số cổ đông tham dự họp;

- + Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
- + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ và không hợp lệ;
- + Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề đã trình Đại hội

Điều 11. Điều kiện để nghị quyết thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết về các nội dung còn lại được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp sau :

2.1 Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2.2 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2.3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông về Biên bản kiểm phiếu, trong đó nêu rõ các nội dung đã được thông qua với: Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, có ý kiến khác, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

Ban thư ký Đại hội ghi nhận lại để đưa vào Biên bản Đại hội.

Điều 13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo điều 132 của Luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin trong **thời hạn 24 giờ** (trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán) theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 16. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, **trừ** các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản:

2.1 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến; Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.

2.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu **quyết chậm nhất là 10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại mục **5.2 Điều 5 ở trên**. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện như theo như Mời họp Đại hội đồng cổ đông nêu trên

2.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và

ng nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tương tự như triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

2.1 Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông.

2.2 Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến.

2.3 Sau khi đã xác nhận tư cách cổ đông hợp lệ, Công ty sẽ cấp tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng của Công ty.

2.4 Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định và hướng dẫn của Công ty.

2.5 Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (check-in)

- Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website của Công ty.

3) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông có thể ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4) Điều kiện tiến hành: Số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đại diện trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

5) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Tương tự như hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

6) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

6.1 Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào website Công ty để thực hiện biểu quyết.

6.2 Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “**Đồng ý**”, “**Không đồng ý**”, “**Không ý kiến**” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

6.3 Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “**Không ý kiến**” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của Công ty.

Ban kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 18. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

18.1 Trình tự và thủ tục họp:

Trình tự và thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

Các cổ đông của Công ty DOBC theo danh sách chốt đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc tham dự trực tuyến/biểu quyết, bầu cử trực tuyến hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự.

18.2 Thẻ biểu quyết, bầu cử tại Đại hội:

18.2.1 Đối với Đại biểu tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp:

Mỗi Đại biểu được phát Thẻ biểu quyết/ hoặc Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử (nếu có). Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các Đại biểu biểu quyết bằng cách giao Thẻ biểu quyết hoặc bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề chung trong Đại hội. Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông sẽ quy định chi tiết cụ thể.

18.2.2 Đối với Cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến thông qua hệ thống Website của Công ty: Mỗi cổ đông đều được cung cấp thông báo mời họp bằng bản cứng gửi qua đường bưu điện/email trước ngày họp, trên thông báo/email có Mã cổ

đồng, Tên đăng nhập và Mật khẩu truy cập hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tại địa chỉ website Công ty (Quy định cụ thể Công ty sẽ có thông báo sau).

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản** trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên HĐQT:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể theo Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai

mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Cách thức bầu và bổ sung thành viên HĐQT:

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị **giảm quá một phần ba (1/3)** so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị theo như quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và **được chấp thuận**;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Thông báo về bầu HĐQT: Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT sẽ được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối **thiểu mười (10) ngày trước** ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Thông báo miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT: Hội đồng quản trị phải công bố thông tin trong vòng 24h khi có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 26. Cách thức ứng cử /đề cử /giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT:

- Đơn ứng cử, đơn đề cử vào chức danh thành viên HĐQT của cổ đông là cá nhân:

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
- Đơn đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
- Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);

- Đơn ứng cử, đơn đề cử vào chức danh thành viên HĐQT của cổ đông là tổ chức:

- Đơn đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
- Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Công ty);
- Bản kê khai lý lịch theo mẫu /Bản tóm tắt quá trình công tác (Ứng viên tự khai, theo mẫu của Công ty);
- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Người ứng cử, được đề cử vào chức danh thành viên HĐQT phải tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông của Công ty về tính chính xác, trung thực của hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

Điều 27. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Theo như Điều 28 Điều lệ Công ty

Điều 29. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT:

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Trách nhiệm tổ chức và thời gian tổ chức thực hiện:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất **ba (03) ngày** làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp **ít nhất một (01) lần**.

2. Tổ chức cuộc họp theo những trường hợp khác:

Ngoài các cuộc họp định kỳ, cuộc họp HĐQT còn được tổ chức trong các trường hợp sau:

2.1 Trường hợp nhằm mục đích bầu Chủ tịch thì trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó, cuộc họp phải được tiến hành. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất/hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn **một (01)** thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2.2 Khi có văn bản đề nghị tổ chức cuộc họp từ một trong các đối tượng sau:

- Ban kiểm soát;
- Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, đồng thời những người đề nghị tổ chức họp có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2.3 Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất **ba (03)** ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (kể cả phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp).

- Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất **ba phần tư (3/4)** tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **bảy (07) ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một **nửa (1/2)** số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

6. Cách thức tham dự và ủy quyền cho người khác dự họp của HĐQT

6.1 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (theo quy định trong Điều lệ công ty).

6.2 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là **01 giờ** trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị :

- Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp có (01) phiếu biểu quyết.

- HĐQT thông qua các Quyết định và ra Nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, **phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị** là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

8.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

8.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này **thì biên bản này có hiệu lực**.

8.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

8.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

9. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị:

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi Nghị quyết HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

CHƯƠNG IV: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, **ít nhất là ba (03) người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban và trách nhiệm của từng tiểu ban.

CHƯƠNG V: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định **tại khoản 5 Điều 156** Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải có kiến thức và hiểu biết về pháp luật; không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 32. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở năng lực và kinh nghiệm của cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

Trách nhiệm của Kiểm soát viên theo Điều 173 Luật doanh nghiệp.

Điều 36. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

:

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là **ba (03) người**. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá **năm (05) năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên;. Trưởng Ban kiểm soát phải **có bằng tốt nghiệp đại học trở lên** thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các **chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh** của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) **Không phải là người quản lý công ty**; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

đ) **Không làm việc** trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty

Điều 38. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định đề cử, ứng cử thành viên HĐQT ở trên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công

ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Các thức bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo như Điều lệ Công ty quy định.

Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Đại hội đồng cổ đông **miễn nhiệm** Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông **bãi nhiệm** Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT ở trên.

CHƯƠNG VII: GIÁM ĐỐC

Điều 42. Trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ và nhiệm kỳ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá **05 năm** và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Giám đốc

Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 44. Ký hợp đồng lao động với Giám đốc Công ty:

1. Sau khi HĐQT ban hành quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) đối với Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị quyết định thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc.

Điều 45. Tiền lương và các lợi ích khác của Giám đốc

1. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Việc trả lương, thưởng cho Giám đốc hoặc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành trong nội bộ Công ty và công bố thông tin trong thời hạn **24 giờ** theo quy định về công bố thông tin.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc: Tương tự như cuộc họp của HĐQT **nêu trên**.

2. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Giám đốc:

Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Nghị quyết cuộc họp của HĐQT sẽ được chuyển bản sao / hoặc có thể gửi bằng thư điện tử cho Ban kiểm soát và Giám đốc.

Điều 49. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT:

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT hành trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi **Giám đốc/hoặc Ban kiểm soát đề nghị bằng văn bản** trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn, cụ thể :

- 1- HĐQT/ hoặc thành viên HĐQT vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản trị điều hành.
- 2- Có vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông mà cần thiết phải tổ chức ngay cuộc họp HĐQT để giải quyết.
- 3- Một số vấn đề khác mà Giám đốc/Ban kiểm soát cho là cần thiết.

Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Giám đốc/hoặc Ban kiểm soát có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 50. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Tại cuộc họp HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông, Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi HĐQT. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT.

Hàng quý, sáu tháng và hàng năm, HĐQT kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.

Điều 51. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc

Tại các cuộc họp Quý của HĐQT, Giám đốc phải có báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao/ tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các vấn đề đã được HĐQT ủy quyền giữa 2 kỳ họp để HĐQT nắm bắt và có phương án xử lý kịp thời.

Điều 52. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát:

Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho HĐQT và ban kiểm soát trong thời hạn 01 (một) giờ, kể từ khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

1. Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.
2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.

Các báo cáo, tài liệu phải được lập và gửi bằng văn bản cho HĐQT và Ban kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

Điều 53. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc

1. **Việc phối hợp công tác giữa HĐQT và Giám đốc** Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty: Được thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác giữa Ban thường vụ Đảng ủy, HĐQT và Giám đốc Công ty.

2. **Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của mình như sau:**

2.1 Đối với Ban kiểm soát:

2.1.1 Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với HĐQT, thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2.1.2 Ban Kiểm soát có quyền kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

2.1.3 Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty. Tại các cuộc họp này, HĐQT phải tiếp thu và ghi nhận các ý kiến đóng góp, đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát (nếu có).

2.1.4 HĐQT phải tạo điều kiện để Ban kiểm soát phát huy tác dụng công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

2.1.5 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban kiểm soát, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và các cá nhân liên quan, đồng thời khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát theo quy định của Công ty.

2.1.6 HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành Công ty khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

2.2 Đối với Giám đốc:

2.2.1 HĐQT tạo điều kiện cho Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.2.2 HĐQT có thể tham dự các cuộc họp giao ban hàng ngày hoặc các cuộc họp khác của Ban điều hành Công ty.

2.2.3 HĐQT có quyền sử dụng các phòng ban chức năng hoặc các chuyên viên của Công ty giúp cho công việc của HĐQT.

2.2.4 HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác điều hành của Giám đốc. Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT.

2.2.5 Đối với các vấn đề nội dung HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định: HĐQT có quyền yêu cầu TV HĐQT, Giám đốc, các Phòng ban chuyên môn Công ty chuẩn bị các nội dung cần thiết để Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình ĐHCĐ Công ty xem xét quyết định.

2.2.6 Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT: **Giám đốc có trách nhiệm lập Tờ trình gửi HĐQT** (kèm theo tờ trình là các văn bản, tài liệu có liên quan đến các nội dung cần trình và phải gửi cho HĐQT chậm nhất **03 (ba)** ngày làm việc trước ngày họp HĐQT, để HĐQT xem xét quyết định. Trong quá trình xem xét quyết định các nội dung mà Giám đốc trình, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc bổ sung các tài liệu liên quan và làm rõ các nội dung mà Giám đốc trình, trước khi HĐQT ra quyết định.

Tất cả các tài liệu do Giám đốc trình và gửi HĐQT phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để HĐQT có cơ sở xem xét, giải quyết.

2.2.7 **Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc:** Giám đốc được trực tiếp quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình đã được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này. Sau khi quyết định, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo cho HĐQT.

(Đính kèm Phụ lục: Bảng phân cấp quyền hạn giữa ĐHĐCĐ, HĐQT và Giám đốc).

2.2.8 Khi Giám đốc ra quyết định ký bất kỳ văn bản nào trái quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty thì HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc hủy bỏ văn bản đó. Nếu Giám đốc không thi hành thì Chủ tịch HĐQT có quyền ra văn bản đình chỉ thi hành quyết định này và ra thông báo tới tất cả thành viên HĐQT và Ban điều hành.

2.2.9 Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phải trao đổi công việc thường xuyên với nhau **ít nhất 1 tuần/lần**.

2.2.10 Giám đốc có quyền đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường HĐQT để xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.

Khi có thư mời, Giám đốc có thể tham dự các cuộc họp HĐQT, nhưng Giám đốc không có quyền biểu quyết nếu không phải đồng thời là TV HĐQT.

2.2.11 Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

2.2.12 Giám đốc được quyền không thực hiện và kiến nghị điều chỉnh những quyết định trái pháp luật, trái với quy định của Điều lệ Công ty. Nếu HĐQT không có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày, thì tùy theo yêu cầu về thời gian, tính chất của vụ việc cụ thể, Giám đốc báo cáo với Cấp trên (Tổng Công ty) hoặc đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ để xử lý.

2.2.13 **Phân cấp quyền hạn giữa HĐQT và Giám đốc tùy từng trường hợp cụ thể:** Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT có thể ủy quyền cho Giám đốc quyết định bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI TV HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 54. Đánh giá hoạt động hàng năm đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành Công ty

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công và kết quả hoạt động SXKD của Công ty, HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng Công ty tổ chức kiểm điểm phê bình và tự phê bình, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình, việc phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được chia ra như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 55. Khen thưởng

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ .

2. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.

3. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 56. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cán bộ điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các Người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm X chương 57 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

**TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DK VIỆT NAM
CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**
(đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày...../.../2021)

Vũng Tàu ngày ... tháng năm 2021

MỤC LỤC



| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG | 2 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 2 |
| Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị..... | 2 |
| CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 2 |
| Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị..... | 2 |
| Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị | 3 |
| Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị..... | 3 |
| Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị..... | 3 |
| Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 3 |
| Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị | 4 |
| Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị..... | 5 |
| Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ... | 5 |
| CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 5 |
| Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị..... | 6 |
| Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch..... | 7 |
| Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường | 7 |
| Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. | 8 |
| CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 8 |
| Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị..... | 8 |
| Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị | 9 |
| CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH | 10 |
| Điều 17. Trình báo cáo hằng năm | 10 |
| Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 10 |
| Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan..... | 11 |
| CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 11 |
| Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị | 11 |
| Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành | 12 |
| Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát | 12 |
| CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 12 |
| Điều 23. Hiệu lực thi hành..... | 12 |

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHDCĐ ngày / /2021)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. **Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể.** Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) **Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3)** so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông **trong thời hạn 60 ngày** kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị **phải thông báo về việc họp nhóm** cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc bầu/ miễn nhiệm/ bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm **d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp**;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có **giá trị nhỏ hơn 35%** hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại **ít hơn số**

lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là (03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không

triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ **3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp**. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; **trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo

nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành

viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 chương, 23 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - DOBC

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 /06/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 /11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Ban kiểm soát Công ty đã xây dựng và sửa đổi lại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc xây dựng, sửa đổi được thực hiện trên cơ sở Quy chế mẫu đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, phù hợp theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và tình hình thực tế của Công ty.

(Đính kèm Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/TGĐ/BKS-PVC (để b/c);
- HĐQT; BKS; BGĐ (để biết);
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đàm Quang Hưng

**TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DK VIỆT NAM
CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ
(đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày...../.../2021)**

Vũng Tàu ngày ... tháng năm 2021

MỤC LỤC



| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG | 3 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 3 |
| Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát | 3 |
| CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) | 3 |
| Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát | 3 |
| Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát | 4 |
| Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát | 4 |
| Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát | 4 |
| Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát..... | 5 |
| Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát | 5 |
| Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát..... | 5 |
| Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát | 6 |
| CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT | 6 |
| Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát | 6 |
| Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát..... | 8 |
| Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông | 8 |
| CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT | 9 |
| Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát..... | 9 |
| Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát..... | 9 |
| CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH | 9 |
| Điều 16. Trình báo cáo hàng năm | 9 |
| Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác..... | 10 |
| Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan..... | 10 |
| CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT | 11 |
| Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát..... | 11 |
| Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành | 11 |
| Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị | 11 |
| CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 11 |
| Điều 22. Hiệu lực thi hành..... | 11 |

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD ngày / /2021)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát **có 03 thành viên**, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo khoản 2 Điều 21 Điều lệ của Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48

giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng.. ..năm 2021.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần xây lắp đường ống bể chứa Dầu Khí;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí (DOBC) đã lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của DOBC (*Đính kèm theo báo cáo*).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr – DOBC

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán độc lập hàng đầu sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí:

- 1- Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- 2- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC Việt Nam;
- 3- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS PVC (để b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đàm Quang Hưng

Số : /TTr- HĐQT

Vũng tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua việc kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC);

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Đức Đạt, Ông Nguyễn Minh Ngọc, Ông Nguyễn Văn Hương và Ông Phạm Cương gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty;

Căn cứ Công văn số 303/XLTK – HĐQT ngày 25/9/2020 của PVC gửi Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị DOBC về việc: Công tác cán bộ/ Người đại diện phần vốn của PVC tại DOBC;

Căn cứ Công văn số 332/XLTK – HĐQT ngày 30/10/2020 của PVC gửi Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị DOBC về việc: Công tác cán bộ/ Người đại diện phần vốn của PVC tại DOBC;

Căn cứ Công văn số 81/XLTK – HĐQT ngày 14/05/2021 của PVC gửi Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị DOBC về việc: Công tác cán bộ/ Người đại diện phần vốn của PVC tại DOBC;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ - XLTK ngày 29/06/2021 của PVC về việc: Nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty DOBC;

Căn cứ Công văn số 139/XLTK – HĐQT ngày 29/06/2021 của PVC gửi Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị DOBC về việc: Giới thiệu đề bầu thành viên Ban kiểm soát;

Hội đồng quản trị DOBC xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc kiện toàn nhân sự HĐQT/ BKS nhiệm kỳ 2020 - 2025, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm TV HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Nguyễn Đức Đạt**, sinh ngày 15/8/1979 theo nguyện vọng cá nhân.

2. Miễn nhiệm TV HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Nguyễn Minh Ngọc**, sinh ngày 21/8/1972 theo nguyện vọng cá nhân.

3. Miễn nhiệm TV độc lập HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Phạm Cương**, sinh ngày 30/10/1958, theo nguyện vọng cá nhân.

4. Miễn nhiệm TV độc lập HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Nguyễn Văn Hương**, sinh ngày 12/02/1957, theo nguyện vọng cá nhân.

5. Miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát Công ty DOBC đối với Ông **Đàm Quang Hưng**, sinh ngày 02/9/1964, để nhận nhiệm vụ mới.

6. **Bầu Ông Trần Vũ Phụng** – Giám đốc Công ty DOBC, sinh ngày 28/04/1966, làm TV HĐQT Công ty DOBC (Lý lịch trích ngang kèm theo).

7. **Bầu Ông Mai Đình Bảo** – Phó Giám đốc Công ty DOBC, sinh ngày 15/11/1964, làm TV HĐQT Công ty DOBC (Lý lịch trích ngang kèm theo).

8. **Bầu Bà Nguyễn Thị Phụng** – Phó Chủ tịch Công đoàn, sinh ngày 18/11/1973, làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty DOBC (Lý lịch trích ngang kèm theo).

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PVC (để b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD DOBC (để biết);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Minh Công

TÓM TẮT TRÍCH NGANG LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. VỀ BẢN THÂN:

- Họ và tên: **TRẦN VŨ PHƯƠNG**
- Sinh ngày : 28/4/1966
- Quê quán: Xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 74 Chu Mạnh Trinh , Phường 8, TP. Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng – Ngành XD dân dụng và công nghiệp
- Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc phụ trách Công ty CP XL Đường ống Bê chứa DK

2. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

| Từ tháng, năm đến tháng năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|-----------------------------|--|
| 12/1986 – 8/1989 | Công nhân lắp ráp – XN Kết cấu thép – XNLH xây lắp DK |
| 9/1989 – 01/1995 | Vừa làm, vừa học ĐH tại trường ĐH Bách khoa TP HCM |
| 01/1995 – 6/1997 | CBKT Đội lắp ráp 1, XN Kết cấu Kim loại & Lắp máy – Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí. |
| 07/1997 – 3/1999 | Đội phó Đội Lắp ráp 1, XN Kết cấu Kim loại & Lắp máy - Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí. |
| 03/1999 – 12/2005 | Đội trưởng Đội Lắp ráp 1, XN Kết cấu Kim loại & Lắp máy - Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí. |
| 12/2005 – 12/2007 | Phó Giám đốc XN Kết cấu Kim loại & Lắp máy - Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí. |
| 01/2008 – 03/2017 | Phó Giám đốc, Đảng ủy viên Công ty CP Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí – Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí VN |
| 04/2017 – 07/2017 | Phó Giám đốc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ sản xuất Sơn Việt |
| 12/2017 – 02/2018 | Trợ lý ban TGD Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí VN (PVC). Phụ trách phòng CNCT ban ĐHDA nhà máy Nhiệt điện TB2. |
| 02/2018 – 06/2018 | Phó ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 |
| 15/6/2018–30/6/2020 | Quyền Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP Kết cấu Kim loại & Lắp máy DK (PVC-MS) |
| 9/7/2020- 5/11/2020 | Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (DOBC) |
| 6/11/2020-Nay | Phó giám đốc Phụ trách Công ty DOBC |

TÓM TẮT TRÍCH NGANG LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. VỀ BẢN THÂN:

- Họ và tên: **MAI ĐÌNH BẢO**
- Sinh ngày : 15/11/1964
- Quê quán: Sơn Quang - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Số 10, Nguyễn Văn Cừ, P.9, TP. Vũng tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Công nghiệp
- Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty CP XL Đường ống Bể chứa DK

2. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

| Từ tháng, năm đến tháng năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|------------------------------------|--|
| 03/1988 - 05/1991 | Nhân viên Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa thuộc Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí |
| 06/1991 - 05/1995 | Phó phòng Kế toán Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa |
| 06/1995 - 04/1997 | Quyền trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa – PVECC |
| 05/1997 - 03/2001 | Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa – PVECC |
| 04/2001 - 11/2004 | Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa – PVECC |
| 12/2004 - 11/2007 | Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bồn bể và Điện nước |
| 12/2007 - 11/2009 | Kế toán trưởng Công ty TNHH 1TV Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí |
| 12/2009 - 01/2011 | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí – PVC |
| 01/2011 -7/2013 | Phó giám đốc, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí |
| 07/2013–24/4/2015 | Phó giám đốc, kiêm TV HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí |
| 24/4/2015-24/10/2017 | Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí |
| 25/10/2017-20/05/2019 | Phó giám đốc, kiêm Phụ trách P.TC-KT Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí |
| 20/05/2019 – 15/07/2019 | Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí |
| 15/07/2019 – 26/11/2019 | Phó giám đốc, kiêm Phụ trách P.TCHC Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí |
| 26/11/2019 - Nay | Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí |

TÓM TẮT TRÍCH NGANG LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. VỀ BẢN THÂN:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Phượng**
- Sinh ngày : 18/11/1973
- Quê quán: Xã Nghĩa đồng, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số 07 P , Đường Lương Thế Vinh , Phường 9 , TP Vũng Tàu , Tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu
- Ngày vào Đảng CSVN: 07/08/2009 Ngày chính thức : 07/08/2010
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán , Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển,
- Chức vụ hiện tại: UV BCH Đảng bộ - Phó chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC).

2. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

| Từ tháng, năm đến tháng, năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|---------------------------------|--|
| T9/1995 Đến T12/2007 | Kế toán Xí nghiệp Sửa chữa các Công trình Dầu Khí trực thuộc Công ty Thiết kế Xây dựng Dầu khí (nay là Công ty PVC) |
| T1/2008 Đến T11/2009 | Kế toán Công ty TNHH 1 TV XL Đường ống Bồn bể Dầu khí nay là Công ty CP XL Đường ống Bể chứa Dầu Khí |
| T12/2009 Đến T12/2015 | Kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) |
| T1/2016 Đến T8/2020 | Chuyên trách Văn phòng Đảng Đoàn thể Công ty DOBC - UV BCH Đảng ủy Công ty DOBC - Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty DOBC |
| T9/2020 đến nay | Chuyên viên Phòng TCHC phụ trách Công tác Đảng Đoàn thể Công ty DOBC - UV BCH Đảng ủy Công ty DOBC - Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty DOBC |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ
35 G , ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 9 , TP. VŨNG TÀU**

THẺ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

**NGÀY 30/6/2021 - TẠI HỘI TRƯỞNG CÔNG TY, 35G ĐƯỜNG 30/4
P. 9, TP. VŨNG TÀU**

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN:

SỐ CMND/GPĐKKD:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG:

SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT:

CỔ PHẦN

Số: 01/NQ/ĐHĐCD

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí số 01/BB- ĐHĐCD ngày 30/6/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Nội dung Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 28/6/2021, cụ thể như sau:

ĐHĐCD thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo **Điều lệ mẫu** đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, phù hợp theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và tình hình thực tế của Công ty. (Đính kèm Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 số 12/BC-HĐQT ngày 08/6/2021.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Giám đốc số 248/BC-DOBC ngày 28/6/2021, trong đó có một số nội dung chủ yếu:

2.1 Về kết quả SXKD năm 2020:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện cả năm 2020 |
|-----------|----------------------|------------|------------------------------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 83,91 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 73,61 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | -18,02 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | -18,02 |

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện cả năm 2020 |
|----|------------------------|--------------------|-----------------------|
| 5 | Đầu tư | Tỷ đồng | - |
| 6 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 6,78 |
| 7 | Thu nhập bình quân | Triệu (đồng/tháng) | 6,5 |

2.2 Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2021 |
|----|---------------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 93 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 94 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | - |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | - |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 4 |
| 6 | Thu nhập bình quân người /tháng | Triệu đồng | 6,5 |

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 số 249/DOBC –BKS ngày 28/6/2021.

Điều 5. Thông qua quyết toán thù lao năm 2020 và phương án chi trả thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 28/6/2021 của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

5.1. Báo cáo tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020:

Tổng chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm từ 01/01/2020 đến hết 31/12/2020 là: **673,859,785 đồng**. Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: (Hưởng thù lao theo quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty): **574,159,785 đồng**
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là: **99.700.000 đồng**
- Thành viên HĐQT/Ban kiểm soát kiêm nhiệm là: **0 đồng** (Thực hiện NQ ĐHĐCĐ 2020 đã thông qua: Chỉ chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không được hưởng chế độ lương, thưởng của Công ty)

5.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

5.2.1- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát **chuyên trách** làm việc tại Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng tại Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ lao động- thương binh và Xã hội.

5.2.2- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát **kiêm nhiệm**:

- Giao HĐQT thỏa thuận với các TV HĐQT/TV BKS đã được hưởng lương của Công ty để không chi trả thù lao.

- Chi trả thù lao cho các TV HĐQT/TV BKS không hưởng lương của Công ty:

Thành viên HĐQT: **3 triệu** đồng/người/tháng

Thành viên Ban kiểm soát: **1 triệu** đồng/người /tháng

Điều 6. Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nội dung Tờ trình số 14/TTr-HĐQT ngày 28/6/2021, cụ thể như sau:

Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty đã được Công ty xây dựng dựa trên Quy chế mẫu đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, phù hợp theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và tình hình thực tế của Công ty (*Đính kèm Quy chế nội bộ về Quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty,).*

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty theo Nội dung Tờ trình số 250/TTr-DOBC ngày 28/6/2021, cụ thể như sau:

Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty đã được Công ty xây dựng dựa trên Quy chế mẫu đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, phù hợp theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và tình hình thực tế của Công ty (*Đính kèm Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty).*

Điều 8. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 28/6/2021.

Điều 9. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo nội dung Tờ trình số 251/TTr-DOBC ngày 28/6/2021, cụ thể như sau:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 trong 03 đơn vị kiểm toán độc lập sau cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2021 cho DOBC:

- 1- Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- 2- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC Việt Nam;
- 3- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Điều 10. Thông qua kiện toàn nhân sự TV HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020-2025 theo Tờ trình số 16/TTr- HĐQT ngày 28/06/2021 của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

10.1. Đối với Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025:

- Miễn nhiệm TV HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Nguyễn Đức Đạt**, sinh ngày 15/8/1979, theo nguyện vọng cá nhân.

- Miễn nhiệm TV HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Nguyễn Minh Ngọc**, sinh ngày 21/8/1972, theo nguyện vọng cá nhân.

- Miễn nhiệm TV độc lập HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Phạm Cương**, sinh ngày 30/10/1958, theo nguyện vọng cá nhân.
- Miễn nhiệm TV độc lập HĐQT Công ty DOBC đối với Ông **Nguyễn Văn Hưng**, sinh ngày 12/02/1957, theo nguyện vọng cá nhân.
- Bầu Ông **Trần Vũ Phụng** – Giám đốc Công ty DOBC, sinh ngày 28/04/1966, làm TV HĐQT Công ty DOBC.
- Bầu Ông **Mai Đình Bảo** – Phó Giám đốc Công ty DOBC, sinh ngày 15/11/1964, làm TV HĐQT Công ty DOBC.

Như vậy, Thành viên HĐQT Công ty DOBC nhiệm kỳ 2020-2025 là:

1. Ông Vũ Minh Công – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Vũ Phụng – TV HĐQT, Giám đốc
3. Ông Mai Đình Bảo – TV HĐQT, Phó Giám đốc

10.2. Đối với Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025:

- Miễn nhiệm TV Ban kiểm soát Công ty DOBC đối với Ông **Đàm Quang Hưng**, sinh ngày 02/9/1964, để nhận nhiệm vụ mới.
- Bầu Bà **Nguyễn Thị Phụng** – UV BCH Đảng bộ, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty, sinh ngày 18/11/1973, làm TV Ban kiểm soát Công ty DOBC.

Điều 11. Các nội dung về ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nội dung:

- Ủy quyền cho HĐQT xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD của Công ty nếu được chấp thuận của Cổ đông chi phối - Công ty mẹ - Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam để phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 đã được ĐHCĐ giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp gần nhất.

Điều 12. Điều khoản thi hành:

- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám Đốc Công ty phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát các nội dung của Nghị quyết phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí thông qua toàn văn tại phiên họp ngày 30/6/2021 với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/6/2021.

Nơi nhận:

- TCT PVC (b/c);
- HĐQT, BKS; BGĐ;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội;
- Toàn bộ cổ đông qua Website DOBC;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Vũ Minh Công